

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HÀNH VI
GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA CHO HỌC SINH LỚP 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN NHÂN

Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN KIỀU TRANG
Lớp: D15 GDTH2
Ngành: Giáo dục tiểu học

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC - MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HÀNH VI
GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA CHO HỌC SINH LỚP 3
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN NHÂN

Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN KIỀU TRANG

Các thành viên: HOÀNG YẾN VY

Lớp: D15 GDTH2

Người hướng dẫn khoa học: ThS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

Nguyễn Thị Nguyệt

Nguyễn Kiều Trang

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	6
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	9
4. Đối tượng nghiên cứu.....	9
5. Phạm vi nghiên cứu.....	9
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	9
NỘI DUNG	12
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC HÀNH VI GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	12
1.1. Khái niệm hành vi giao tiếp có văn hóa.....	12
1.1.1. Khái niệm văn hóa	12
1.1.2. Khái niệm hành vi	13
1.1.3. Khái niệm giao tiếp	13
1.1.4. Khái niệm về hành vi giao tiếp	14
1.1.5. Khái niệm hành vi giao tiếp có văn hóa.....	15
1.2. Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học.....	17
1.2.1. Khái niệm giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học	17
1.2.2. Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3	19
1.3. Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh tiểu học	28
1.4. Vai trò của giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa đối với sự hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh tiểu học	30
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học	31
1.5.1. Giáo dục gia đình	31
1.5.2. Nhà trường	32
1.5.3. Nhóm bạn bè	33
1.5.4. Yếu tố từ phía bản thân học sinh.....	33
Kết luận chương 1	35

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HÀNH VI GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA CHO HỌC SINH LỚP 3 TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN NHÂN.....	37
2.1. Vài nét về Trường Tiểu học Yên Nhân.....	37
2.2. Tổ chức khảo sát.	39
2.2.1. Mục đích khảo sát	39
2.2.2. Nội dung khảo sát.....	39
2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát	39
2.2.4. Tiêu chí và thang đánh giá	39
2.3. Kết quả khảo sát	42
2.3.1. Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết cần phải giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3	42
2.3.2. Thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	43
2.3.3. Mức độ biểu hiện hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	57
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân.....	66
2.5. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3.....	69
Kết luận chương 2	70
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	72
1. Kết luận	72
2. Kiến nghị.....	73
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Tên bảng	Trang
Bảng 2.1. Thang đánh giá hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3	42
Bảng 2.2. Các môn học/hoạt động giáo dục giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở Trường Tiểu học Yên Nhân	44
Bảng 2.3. Các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở Trường Tiểu học Yên Nhân	48
Bảng 2.4. Các hình thức, phương pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	50
Bảng 2.5. Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	53
Bảng 2.6. Đánh giá của giáo viên về kết quả giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	57
Bảng 2.7. Đánh giá của giáo viên về mức độ tích cực trong học tập, rèn luyện hành vi giao tiếp có văn hóa của học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	58
Bảng 2.8. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân về thái độ của bản thân khi được giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa	59
Bảng 2.9. Các khâu giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3	60
Bảng 2.10. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân về các hoạt động được tham gia để rèn luyện hành vi giao tiếp có văn hóa	63
Bảng 2.11. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân về nhận thức và các hành vi giao tiếp có văn hóa có được sau khi được tham gia các hoạt động giáo dục	64
Bảng 2.12. Mức độ biểu hiện hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân (Qua quan sát)	65
Bảng 2.13. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	66
Bảng 2.14. Những khó khăn trong quá trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân	67

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ	Viết tắt	Viết đầy đủ
HS	: Học sinh	GD	: Giáo dục
GV	: Giáo viên	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
GDTH	: Giáo dục Tiểu học	Nxb	: Nhà xuất bản
HSTH	: Học sinh tiểu học	CT GDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
TH	: Tiểu học	KHBD	: Kế hoạch bài dạy
HVGTCVH	: Hành vi giao tiếp có văn hóa	SL	: Số lượng
GTCVH	: Giao tiếp có văn hóa	%	: Phần trăm
GT	: Giao tiếp	TBC	: Trung bình chung
KNS	: Kỹ năng sống	TB	: Trung bình

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Giao tiếp là điều kiện tồn tại của con người, thông qua giao tiếp cá nhân gia nhập vào các mối quan hệ xã hội, tiếp thu nền văn hoá xã hội lịch sử, biến nó thành cái riêng của mình, đồng thời cũng góp phần vào sự phát triển văn hóa chung của xã hội.

Giáo dục hành vi giao tiếp văn hóa có vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của HS tiểu học, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động dạy học và giáo dục. Vấn đề giao tiếp nói chung, giáo dục hành vi giao tiếp văn hóa nói riêng đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, vấn đề giao tiếp trở thành một vấn đề thời sự của Tâm lý học, cuốn hút sự tham gia nghiên cứu của nhiều khoa học, tập trung vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về giao tiếp (bản chất cấu trúc, phương pháp luận, cơ chế với các tác giả tiêu biểu như: A.A. Bôđaliov, A.A. Lêônchiev, B.Ph.Lomov...); Nghiên cứu giao tiếp với nhân cách có công trình của A.A.Bohnheva); Nghiên cứu các dạng giao tiếp nghề nghiệp (đại diện như A.V. Petropxki); Nghiên cứu các dạng giao tiếp như kỹ năng giao tiếp trong quản lý, trong kinh doanh điển hình có công trình nghiên cứu (tác giả Allan Pease...).

Ngoài ra, nhiều tác giả đã nghiên cứu về vấn đề giao tiếp như lí luận chung, các dạng giao tiếp nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, nghiên cứu hành vi giao tiếp, đề cao vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển của con người, giao tiếp là điều kiện tồn tại, là nhu cầu đặc trưng của xã hội loài người.

Ở Việt Nam, vấn đề giao tiếp được nhiều nhà khoa học nghiên cứu từ cuối những năm 1970 theo các hướng chính:

- Nghiên cứu bản chất của giao tiếp, đặc điểm, cấu trúc, nội dung, phương tiện, hiệu quả giao tiếp.... với các công trình tiêu biểu của các tác giả: Phạm Minh Hạc, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Văn Lê, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Quang Uẩn, Hoàng Anh, Bùi Văn Huệ, Trần Tuấn Lộ...

- Nghiên cứu giao tiếp như là một tiến trình truyền đạt thông tin, các đặc điểm giao tiếp của người tham gia vào quá trình truyền thông ... có công trình của Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Khắc Viện.

- Nghiên cứu đặc điểm giao tiếp của một số đối tượng với đại diện như Trần Thị Kim Thoa, Bùi Ngọc Thiết...

- Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp trong quản lý, trong kinh doanh, du lịch, sư phạm....có công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thạc, Hoàng Anh, Nguyễn Văn Lê, Đinh Văn Đáng, Ngô Công Hoàn...

Các công trình nghiên cứu trong nước đã đề cập đến những vấn đề lý luận về giao tiếp (bản chất, đặc điểm, kỹ năng giao tiếp, ý nghĩa của giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người).

Các công trình nghiên cứu về HVGTCVH, giáo dục HVGTCVH được các nhà khoa học nghiên cứu:

Tác giả Bùi Thị Nền với nghiên cứu *Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hành vi giao tiếp văn hóa cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Hà Nội theo tiếp cận phối hợp*” đề cập đến vai trò quan trọng của giáo dục HVGTCVH trong sự phát triển toàn diện của HS tiểu học, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động dạy học và giáo dục. Để nâng cao hiệu quả việc giáo dục HS về hành vi giao tiếp văn hóa, việc quản lý hoạt động này cần được chú trọng ở trường tiểu học. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động giáo dục hành vi giao tiếp văn hóa cho HS tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội, bài viết đề xuất một số biện pháp quản lý giáo dục. Hành vi giao tiếp văn hóa của HS tiểu học trên địa bàn nghiên cứu theo cách tiếp cận phối hợp. Việc thực hiện các biện pháp này giúp huy động nguồn lực và đảm bảo hiệu quả trong quản lý giáo dục hành vi giao tiếp văn hóa cho HS tiểu học ở Hà Nội. [20; tr172,177]

Trong Luận án Tiến sĩ giáo dục học của Hoàng Thị Phương có nghiên cứu *Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ 5 – 6 tuổi (2002)* đã chỉ ra mối quan hệ thống nhất giữa hình thức thể hiện với phẩm chất của hành vi của trẻ; Các tiêu chí đánh giá, các biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa ở trường mầm non. [24]

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn trong bài viết *Quan niệm về hành vi giao tiếp có văn hóa của tuổi trẻ* đã chỉ ra HVGTCVH của tuổi trẻ là phẩm chất nhân cách cần được nghiên cứu và giáo dục. Bài viết đưa ra những vấn đề liên quan đến “Văn hóa”, các bộ phận tổ thành văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; Hành vi văn hóa và văn hóa giao tiếp, hành vi giao tiếp có văn hóa và các biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hóa của tuổi trẻ. Trên thực tế, văn hóa hội nhập của tuổi trẻ còn nhiều biểu hiện thiếu văn hóa, thiếu chuẩn mực trong hành vi giao tiếp với mọi người. Do vậy, việc đi sâu nghiên cứu và giáo dục hành vi giao tiếp cho tuổi trẻ cũng như mọi người trong xã hội là công việc vô cùng cấp thiết và có tính lâu dài. [34]

Tác giả Hồ Sỹ Hùng với nghiên cứu *Thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi* đã đề cập đến việc hình thành các hành vi giao tiếp của trẻ chủ yếu từ sự bắt chước và phản ánh rất chân thực những điều trẻ học được. Nếu không có sự can thiệp kịp thời của người lớn, những hành vi không phù hợp với chuẩn mực của người xung quanh sẽ ăn sâu vào nhận thức và trở thành những hành vi giao tiếp không văn hóa của trẻ. [10]

Tác giả Lưu Thu Thủy (1995) với nghiên cứu *Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh các lớp 4,5 trường tiểu học* đã đề cập đến thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá với bạn cùng lứa tuổi của lớp 4,5 trường tiểu học. Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá với bạn cùng lứa tuổi cho HS các lớp 4,5 trường tiểu học. [31]

Tác giả Nguyễn Thị Quốc Minh, Thạch Trung Tuấn, Đỗ Đình Thái nghiên cứu *Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phát triển văn hóa giao tiếp cho học sinh ở các trường tiểu học công lập Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh* đề cập đến quản lý các hoạt động giáo dục để phát triển văn hóa giao tiếp cho HS tiểu học là một nhiệm vụ thiết yếu mà các nhà quản lý cần tập trung vào để đáp ứng các yêu cầu về đổi mới, hội nhập và phát triển phát triển toàn diện cho HS trong bối cảnh hiện tại. [18; tr214,219]

Bên cạnh đó có những công trình liên quan đến vấn đề thực tiễn như thực trạng giáo dục kỹ năng giao tiếp, giao tiếp có văn hóa... Đặc biệt là vấn đề giáo dục

hành vi có văn hóa cho HS tiểu học. Nhìn chung, các nghiên cứu về giao tiếp, giáo dục HVGTCVH đã được các tác giả biên soạn tài liệu theo các chủ đề và được đưa vào giáo dục cho HS ở các trường Tiểu học thông qua môn Đạo đức và hoạt động trải nghiệm.

Tác giả Ngô Giang Nam, trong nghiên cứu *Thực trạng giáo dục kỹ năng giao tiếp cho HS tiểu học nông thôn miền núi phía Bắc (2013)* đã đề cập đến các vấn đề lý luận về giao tiếp, giao tiếp của HS tiểu học và thực trạng giáo dục kỹ năng giao tiếp cho HS tiểu học, những khó khăn trong quá trình giáo dục, từ đó chỉ ra một số biện pháp khắc phục khó khăn này. [19]

Các tác giả nghiên cứu về năng lực giao tiếp của HS tiểu học, phát triển năng lực giao tiếp của HS tiểu học: Ngô Công Hoàn, Đặng Thị Lệ Tâm, Đặng Thị Thủy đã chỉ ra các em đã có năng lực giao tiếp hợp tác, phối hợp cùng nhau giải quyết một nhiệm vụ nào đó nhằm đạt mục tiêu chung.

Các nghiên cứu liên quan đến HVGTCVH, bao gồm:

Tác giả Nguyễn Ánh Tuyết (2006), đề cập đến hành vi văn hóa trong đó có hành vi giao tiếp trong cuốn *Giáo trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em*, NXBGD. [32]

Tác giả Đặng Thị Lệ Tâm, nghiên cứu đề tài *Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam* đã đề cập giáo dục văn hóa giao tiếp cho HSTH được thực hiện với định hướng thông qua dạy học môn Tiếng Việt, tổ chức hoạt động ngoại khóa, sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho HS được thực hành, trải nghiệm các kỹ năng giao tiếp. [26]

Tác giả Trần Thị Phương Anh đã đề cập đến giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mầm non trong đề tài *Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non*. [2]

Tác giả Hoàng Thị Thông có công trình *Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo Trường mầm non Tân Vinh – Lương Sơn – Hòa Bình*, đề cập đến hành vi giao tiếp có văn hóa và đưa ra một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp ứng xử cho trẻ lứa tuổi mầm non. [30]

Trong đề tài *Giải pháp giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh tiểu học trong giai đoạn mới* của tác giả Đoàn Thị Thúy Hạnh và Võ Thanh Hà đã cho chúng ta thấy giáo dục giá trị văn hóa có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của HS. [6]

Tác giả Mai Thị Nhân, nghiên cứu đề tài *Một số biện pháp rèn kỹ năng giao tiếp cho học sinh lớp 4* đã đề cập đến HS được giáo dục kỹ năng giao tiếp được lồng ghép trong các tiết học, thông qua các hoạt động nhóm và các hoạt động tập thể. [22]

Tác giả Phạm Thị Trúc (Chủ biên), (2018) có công bố sách, *Giao tiếp với trẻ em lứa tuổi mầm non* đề cập đến một số vấn đề lý luận và yêu cầu trong giao tiếp với trẻ em lứa tuổi mầm non, trong đó có đề cập đến HVGTCVH cho trẻ mầm non. Trong khóa luận tốt nghiệp năm 2015, tác giả Quách Thị Mai có nghiên cứu *Thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non Đồng Phong-Nho Quan* đề cập đến các vấn đề lý luận về thực trạng giáo dục HVGTCVH cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Một số đề tài liên quan đến giáo dục hành vi giao tiếp như *Thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hoa Lư* do tác giả Phạm Thị Trúc (chủ nhiệm đề tài); *Biện pháp hình thành một số kỹ năng mềm cơ bản cho sinh viên khối ngành sư phạm ở trường Đại học Hoa Lư* do tác giả Vũ Thị Huê (chủ nhiệm đề tài). Tuy nhiên các nghiên cứu này mới chỉ ra các vấn đề về giao tiếp nói chung, giao tiếp của sinh viên, giáo dục HVGTCVH cho trẻ mẫu giáo,... mà chưa đề cập đến giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học.

Như vậy, vấn đề giao tiếp, giáo dục HVGTCVH đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến, tuy nhiên, các tác giả chưa tập trung nghiên cứu việc giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học.

Hiện nay, ở Trường Đại học Hoa Lư và Trường Tiểu học Yên Nhân chưa có nghiên cứu về giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học, đây là một trong những nội dung cần được quan tâm đúng mức, nghiên cứu đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học, trang bị cho

sinh viên kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội loài người, là nhu cầu đặc trưng có tính xã hội đầu tiên ở con người, có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động, trong đời sống của mỗi cá nhân, đời sống xã hội. Giao tiếp là con đường tiếp thu nền văn hoá xã hội loài người, cùng với hoạt động của con người, giao tiếp là con đường quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách. Bằng giao tiếp, con người gia nhập các quan hệ xã hội, lĩnh hội nền văn hóa xã hội, các chuẩn mực xã hội và tổng hòa các quan hệ xã hội thành bản chất con người, đồng thời thông qua giao tiếp, con người đóng góp tài lực của mình vào kho tàng chung của nhân loại, của xã hội.

Giao tiếp là điều kiện đảm bảo cuộc sống tâm lý bình thường của mỗi cá nhân, ảnh hưởng đến sức khỏe, đến cuộc sống và trạng thái tính thần của mỗi cá nhân. Kỹ năng giao tiếp tốt như biết thể hiện cảm xúc, hợp tác, chia sẻ, tự tin, làm chủ bản thân....có thể là điều kiện thuận lợi cho cuộc sống mỗi cá nhân. Giao tiếp là phương tiện để con người hợp tác cùng nhau, hướng tới mục đích bình đẳng, hạnh phúc.

Sự phổ biến của mạng xã hội, các nền tảng trực tuyến khiến giao tiếp trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, nó cũng đồng thời tạo ra nhiều vấn đề về văn hóa ứng xử như bạo lực ngôn ngữ, tin giả, nói tục, chửi bậy và những thông tin sai lệch vô văn hóa. HS có thể dễ dàng học và bắt trước theo những thông tin, hành vi vô văn hóa trên mạng xã hội mà không phân biệt đúng sai.

Trong xã hội hiện đại, kỹ năng giao tiếp đóng vai trò vô cùng quan trọng. Một đứa trẻ biết cách giao tiếp lịch sự, tôn trọng người khác sẽ dễ dàng hòa nhập với cộng đồng, xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp. Ngược lại, những đứa trẻ thiếu kỹ năng giao tiếp có thể gặp khó khăn trong học tập, làm việc và các mối quan hệ xã hội. Do đó, việc giáo dục kỹ năng, hành vi giao tiếp cho cá nhân ngay từ khi còn nhỏ cũng là chuẩn bị hành trang cho trẻ bước vào cuộc sống.

Giáo dục tiểu học là cấp học đầu tiên của giáo dục phổ thông hệ thống

giáo dục quốc dân. Mục tiêu của giáo dục tiểu học nhằm “hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của HS; chuẩn bị cho HS tiếp tục học trung học cơ sở”, góp phần hình thành và phát triển toàn diện, hài hòa nhân cách của con người, tạo tiền đề thực hiện “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài”. Giáo dục tiểu học kế thừa và phát huy những kết quả đạt được của giáo dục mầm non và giúp cho HS có những năng lực, sức khỏe và phẩm chất để có thể học lên bậc học trung học cơ sở, luôn vận động cùng quá trình vận động phát triển, của xã hội.

Giáo dục kỹ năng sống, trong đó có giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ em được ngành giáo dục chỉ đạo thực hiện nhằm giáo dục toàn diện cho người học, tăng cường kỹ năng thực hành, khả năng thích ứng, đồng thời giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp có văn hóa cho HS tiểu học chính là thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu giáo dục tiểu học nói riêng được quy định trong Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Nội dung Thông tư đã chỉ rõ: Chương trình giáo dục tiểu học giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt. Thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cũng được đề cập đến đó là hình thành và phát triển cho HS năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Giáo dục HVGTCVH đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của HS tiểu học. Giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong sự hình thành và phát triển nhân cách. Giáo dục vạch ra chiều hướng, mục tiêu hình thành và phát triển nhân cách của HS và tổ chức, chỉ đạo dẫn dắt HS thực hiện quá trình đó đạt kết quả mong muốn. Giáo dục là những tác động tự giác có điều kiện có thể mang lại những tiến bộ mà các yếu tố khác không có được. Nhờ có kỹ năng giao tiếp, các em HS học tập hiệu quả; tự tin tham gia vào các hoạt động

giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội. Giáo dục HVGTCVH có thể cải biến những nét tính cách, hành vi, phẩm chất lệch lạc không phù hợp với chuẩn mực của xã hội. Giáo dục HVGTCVH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi các em HS tiểu học giao tiếp với người khuyết tật, thiếu năng do bệnh tật, tai nạn hoặc bẩm sinh – di truyền tạo ra. Giáo dục HVGTCVH giúp các em đồng cảm, chia sẻ và tôn trọng với những người khuyết tật giúp họ có thêm sức mạnh, niềm tin để vượt qua trở ngại khó khăn, hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng.

Ở trường tiểu học, HS được tham gia vào các hoạt động phong phú, thông qua đó HS được giáo dục HVGTCVH, hình thành kỹ năng sống. Quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học có thể thực hiện thông qua rất nhiều hoạt động với nội dung, hình thức phong phú, hấp dẫn: Hoạt động học tập, hoạt động giáo dục, hoạt động vui chơi, giải trí và sinh hoạt hàng ngày tại trường tiểu học.

Việc giáo dục HVGTCVH sẽ giúp các em biết cách giải quyết xung đột một cách hòa bình, tránh xảy ra các hành vi bạo lực và trang bị những kiến thức để nhận biết và tránh xa các hành vi tiêu cực.

Việc giáo dục kỹ năng sống nói chung, giáo dục HVGTCVH nói riêng đã được thực hiện ở lứa tuổi mầm non tại gia đình, trường mầm non và trong các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng. Việc xác định mục tiêu, nội dung, hình thức và mức độ yêu cầu được xác định phù hợp tùy theo lứa tuổi, điều kiện nhà trường và yêu cầu thực tế xã hội hiện nay. Đối với HS tiểu học, quá trình tổ chức thực hiện giáo dục HVGTCVH tiếp tục được thực hiện ở các trường tiểu học, tuy nhiên nhiều giáo viên còn gặp khó khăn về thời gian, điều kiện, sự phối hợp, thống nhất với phụ huynh HS.... Việc giáo dục đôi khi còn mang tính hình thức, diễn ra theo con đường tự phát chưa khoa học, chưa đồng bộ, thiếu sự mẫu mực của người lớn, do đó vẫn tồn tại những hành vi chưa phù hợp. Tuy nhiên, việc phát hiện, điều chỉnh, uốn nắn những hành vi đó của HS có lúc chưa được quan tâm đúng mức. Ở Trường Đại học Hoa Lư đã có một số công trình nghiên cứu về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp ở sinh viên, ở trẻ mầm non, ở HS tiểu học, tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học. Mặt khác, ở Trường Tiểu học Yên Nhân cũng chưa có công trình

hoặc công bố, đánh giá nào về thực trạng giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học. Nhận thức được ý nghĩa của việc giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học, chúng tôi đã chọn đề tài nghiên cứu: “*Thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân*”. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng việc giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, phân tích nguyên nhân ảnh hưởng, từ đó tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến giáo dục HVGTCVH
- Tìm hiểu thực trạng giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân.
- Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3.

4. Đối tượng nghiên cứu

Giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân.

5. Phạm vi nghiên cứu

Thực trạng giáo dục HVGTCVH thông qua giờ học môn Đạo đức cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* - 4 tiết).

Nghiên cứu được tiến hành ở 65 HS lớp 3C và lớp 3D; 30 GV đã và đang dạy lớp 3, trong đó có 8 GV đã và đang dạy lớp 3 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở Trường Tiểu học Yên Nhân.

Thời gian khảo sát thực trạng: từ tháng 3/2024 - 5/2024

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết - Thực trạng - Giải pháp

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Các phương pháp phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề có liên quan đến đề tài nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

** Phương pháp điều tra:*

Dùng phiếu điều tra nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ, việc tổ chức, các biện pháp giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 của giáo viên Trường Tiểu học Yên Nhân.

Dùng phiếu điều tra nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ và HVGTCVH của HS lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân.

** Phương pháp nghiên cứu sản phẩm:*

Nghiên cứu kế hoạch giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân.

Nghiên cứu kết quả đạt được ở HS lớp 3 về nhận thức, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, điều chỉnh hành vi.

** Phương pháp quan sát:*

- Quan sát quá trình tổ chức hoạt động của giáo viên nhằm tìm hiểu về việc thực hiện giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân.

- Quan sát biểu hiện, mức độ nhận thức, thái độ, hành vi của HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, trong quá trình dạy môn Đạo đức.

** Phương pháp đàm thoại:*

Trao đổi với giáo viên tiểu học và HS về những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 để tìm hiểu các thông tin như: nhận thức, thái độ của GV, HS đối với việc giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, kế hoạch bài dạy, các hoạt động giáo dục sử dụng giáo dục HVGTCVH cho HS, hiệu quả giáo dục, .

Trao đổi về các điều kiện, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, khó khăn và thuận lợi trong quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS.

6.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Chúng tôi sử dụng thống kê toán học để xử lý số liệu thu được trong quá trình khảo sát.

Các phương pháp được chúng tôi sử dụng phối kết hợp linh hoạt trong quá trình nghiên cứu.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1.1. Khái niệm hành vi giao tiếp có văn hóa

1.1.1. *Khái niệm văn hóa*

Cho đến nay có rất nhiều định nghĩa về khái niệm văn hóa. Nhưng dù được hiểu theo nghĩa nào, văn hóa vẫn là một khái niệm quan trọng, liên quan mật thiết đến mọi mặt của đời sống con người.

Theo quan điểm của UNESCO, “Văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin”.

Theo Đại từ điển tiếng Việt của Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam - Bộ GD&ĐT xuất bản năm 1998, “Văn hóa là những giá trị vật chất, tinh thần con người tạo ra trong lịch sử; là đời sống tinh thần của con người; là tri thức khoa học, trình độ học vấn; là lối sống, các ứng xử có trình độ cao, biểu hiện văn minh”. [35; tr1797]

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu định nghĩa về văn hóa như sau: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”. [17; tr458]

Phó Giáo sư, Viện sĩ Trần Ngọc Thêm đã xây dựng khái niệm văn hóa dựa trên đặc trưng cơ bản của nó: “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động

thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”. [28; tr8]

Như vậy, có nhiều cách biểu đạt văn hóa với quan niệm rộng hẹp khác nhau tùy theo cách tiếp cận vấn đề. Trong đề tài này, chúng tôi lựa chọn khái niệm của Đại từ điển Tiếng Việt để đưa ra khái niệm văn hóa vì khái niệm này phù hợp với việc nghiên cứu giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học trong nhà trường: “Văn hóa là sự kết tinh những giá trị vật chất và tinh thần của con người trong lịch sử; là nhận thức, tư tưởng, thái độ, trách nhiệm.... và các quy tắc ứng xử của mỗi người đối với bản thân, gia đình và xã hội.”

1.1.2. Khái niệm hành vi

Hành vi là toàn bộ nói chung những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định. [23; tr423]

Trong giáo dục, chúng ta thường quan tâm đến hành vi đạo đức. Đó là một hành động tự giác được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức. Khi đánh giá một người có hành vi đạo đức hay không, chúng ta không chỉ xem xét hành vi của họ, có phù hợp với các tiêu chuẩn đạo đức xã hội hay không, mà còn phải xem xét động cơ của họ, đúng hay sai, tích cực hay tiêu cực. Tương tự như việc giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ, điều quan trọng là thúc đẩy các hoạt động có đạo đức cao và phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội.

Như vậy, hành vi là cách ứng xử của con người đối với một sự kiện, sự vật hoặc hiện tượng trong một hoàn cảnh, tình huống cụ thể, được thể hiện bằng lời nói, cử chỉ hoặc hành động nhất định.

1.1.3. Khái niệm giao tiếp

Trong quá trình nghiên cứu xuất hiện nhiều định nghĩa khác nhau về giao tiếp, mỗi định nghĩa đều dựa trên một quan điểm riêng và có hợp lý riêng của nó.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn định nghĩa: “Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau.” [33; tr39]

L.P.Bueva cho rằng: "Giao tiếp không chỉ là một quá trình tinh thần mà còn là quá trình vật chất, quá trình xã hội, trong đó diễn ra sự trao đổi hoạt động, kinh nghiệm, sản phẩm của hoạt động." [25; tr10]

Tác giả Trần Quốc Thành quan niệm: "Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lí giữa người với người, thông qua đó con người trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại cùng nhau". [27; tr10]

Như vậy, giao tiếp là quá trình tác động qua lại giữa con người với con người, thể hiện sự tiếp xúc tâm lí giữa người với người, thông qua đó, con người trao đổi thông tin, trao đổi cảm xúc, tác động và ảnh hưởng qua lại với nhau.

* Giao tiếp có vai trò quan trọng trong sự hình thành phát triển tâm lí người

- Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội loài người. Nhu cầu giao tiếp là một trong những nhu cầu xã hội cơ bản, xuất hiện sớm nhất ở con người.

- Nhờ giao tiếp, con người tham gia các mối quan hệ xã hội.

- Thông qua giao tiếp con người năng lực, tự ý thức.

Quá trình giao tiếp để đạt được hiệu quả cao phải tính đến các yếu tố tham gia trong giao tiếp như: chủ thể giao tiếp, mục đích giao tiếp, nội dung giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp.

1.1.4. Khái niệm hành vi giao tiếp

Tác giả Vũ Gia Hiền định nghĩa: "Hành vi giao tiếp là một chuỗi hành động được thúc đẩy bởi mục đích muốn thỏa mãn nhu cầu giao tiếp."

Như vậy, hành vi giao tiếp là hành động, cách cư xử biểu hiện quá trình tác động qua lại giữa con người với con người, hành vi thể hiện sự tiếp xúc tâm lí giữa người với người, để trao đổi cảm xúc, tác động qua lại với nhau.

Những yếu tố tác động đến hành vi giao tiếp:

- Yếu tố di truyền, bẩm sinh: là tiền đề vật chất của sự phát triển tâm lí và nhân cách. Tác động đến sự phát triển về thể chất, tâm lý, trí tuệ và đời sống của con người. Đó là nguồn gốc sâu xa ảnh hưởng đến hành vi giao tiếp.

- Yếu tố môi trường: Tác động mạnh mẽ đến hành vi giao tiếp. Môi trường tạo ra ngữ cảnh và điều kiện mà hành vi giao tiếp có thể diễn ra, và nó có thể ảnh hưởng đến cách mọi người tương tác và trao đổi thông tin với nhau.

- Ảnh hưởng của cảm xúc và suy nghĩ về hành vi: Đây là yếu tố quan trọng và quyết định tính chất của hành vi giao tiếp. Cảm xúc và suy nghĩ có thể tạo ra tình trạng tâm trạng khác nhau trong suy nghĩ và hành vi của một người. Khi một người cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc, họ có thể có xu hướng giao tiếp một cách tích cực và hoà đồng hơn. Ngược lại, khi họ cảm thấy tức giận hoặc buồn chán, họ có thể giao tiếp một cách tiêu cực.

1.1.5. Khái niệm hành vi giao tiếp có văn hóa

Văn hóa giao tiếp là một bộ phận trong tổng thể văn hóa nhằm chỉ quan hệ giao tiếp có văn hóa của mỗi người trong xã hội (giao tiếp một cách lịch sự, thái độ thân thiện, cởi mở, chân thành, thể hiện sự tôn trọng nhau ...), là tổ hợp của các thành tố: lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, cách ứng xử...

Hành vi giao tiếp có văn hóa (HVGTCVH) là những biểu hiện cụ thể bên ngoài được điều khiển bởi cấu trúc tâm lý bên trong của chủ thể, chứa đựng những giá trị và chuẩn mực văn hóa, được thực hiện theo quy tắc ứng xử của xã hội thông qua lời nói và cử chỉ trong các mối quan hệ hằng ngày.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn quan niệm: “Hành vi giao tiếp có văn hóa là một loại hành vi văn hóa, hành vi đạo đức của con người biểu hiện cách giao tiếp của con người chứa đựng các giá trị văn hóa chuẩn mực mà cốt lõi là các giá trị đạo đức và thẩm mỹ, được thực hiện theo những quy tắc giao tiếp ứng xử xã hội, thông qua cung cách hành vi, cử chỉ cách nói viết và những kỹ năng giao tiếp, tuân theo các chuẩn mực văn hóa xã hội.” [34; tr5]

- HVGTCVH là hành vi giao tiếp với một số đặc điểm như:
 - + Được thực hiện bởi các chủ thể có ý thức, có đạo đức, có văn hóa.
 - + Được biểu hiện qua cử chỉ, cung cách, hành vi, lời nói, cách viết của con người.
 - + Chịu sự quy định của các chuẩn mực xã hội, được xây dựng từ hệ thống những giá trị xã hội cho một nền văn hóa được lựa chọn để định hướng.
- Cấu trúc HVGTCVH bao gồm ba yếu tố cơ bản có quan hệ mật thiết với nhau, tạo nên một chỉnh thể điều chỉnh hành vi giao tiếp:

+ Yếu tố nhận thức: cá nhân hiểu ý nghĩa các chuẩn mực, nắm được các quy tắc thực hiện các hành vi giao tiếp đã được xã hội thừa nhận; hiểu rõ và có ý thức về các chuẩn mực xã hội cần tuân thủ trong quá trình giao tiếp với người khác.

+ Yếu tố tình cảm: cá nhân tin tưởng và mong muốn thực hiện các chuẩn mực giao tiếp phù hợp với yêu cầu xã hội, rung động trước những HVGTCVH, trước những cách cư xử đẹp....

+ Yếu tố ý chí, thói quen: cá nhân biết lựa chọn, sử dụng các phương tiện giao tiếp một cách đúng đắn, linh hoạt và sáng tạo phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

- HVGTCVH biểu hiện ở các nhóm giá trị sau:

+ Nhóm giá trị trong quan hệ với người khác: với cha mẹ, anh chị em trong gia đình, với thầy cô giáo, với người lớn, với bạn, với các em nhỏ...;

+ Nhóm giá trị trong quan hệ với bản thân;

+ Nhóm các giá trị trong quan hệ con người với công việc.

Các nhóm giá trị nói trên thể hiện ở việc ứng xử lịch sự, lễ phép; có hành vi văn hóa trong quá trình hội thoại; biểu đạt nhu cầu với người khác; thể hiện sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác; tôn trọng trong giao tiếp. [14; tr27,28]

Tác giả Phan Thanh Long (2011) cho rằng: “Hành vi giao tiếp có văn hóa là những biểu hiện cụ thể bề ngoài được điều khiển bởi cấu trúc tâm lý bên trong của chủ thể, chứa đựng những giá trị và chuẩn mực văn hóa, được thực hiện theo qui tắc ứng xử của xã hội thông qua lời nói và cử chỉ trong các mối quan hệ hằng ngày.” [14; tr27]

- Các biểu hiện cụ thể của HVGTCVH:

+ Ứng xử lịch sự, lễ phép: chào hỏi khi gặp người khác; cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ; xin lỗi khi mắc lỗi hay làm phiền người khác; xin phép trước khi có HV ngoài quyền quyết định của bản thân; cử chỉ thân mật, lịch sự, lễ phép trong GT.

+ Có hành vi văn hóa trong quá trình hội thoại: chấp nhận và lắng nghe người khác; không ngắt lời khi người khác đang nói; hướng mặt vào người khác khi trả lời hoặc trò chuyện; nói đủ nghe và không nói trống không; xưng hô thân mật.

+ Biểu đạt nhu cầu với người khác: biết đề nghị khi muốn người khác giúp đỡ hoặc khi muốn tham gia vào một hoạt động nào đó cùng với người khác; chấp nhận lời đề nghị của người khác; biết thể hiện nhu cầu của cá nhân với người khác bằng lời nói; biết bày tỏ ý muốn giúp đỡ người khác.

+ Thể hiện sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác: quan tâm, chăm sóc những người cần sự giúp đỡ; cùng học, cùng chơi, chia sẻ với bạn bè.

+ Tôn trọng trong giao tiếp: chấp nhận ý kiến của bạn; chấp nhận sở thích của bạn và người khác; tuân thủ những quy định của tập thể và cộng đồng; không làm ồn ào, gây mất trật tự nơi cần sự yên tĩnh.

Khái niệm liên quan đến nhiều phạm trù nên khó có thể trình bày cụ thể về nó. Vì vậy trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xác định khái niệm HVGTCVH như sau: “Hành vi giao tiếp có văn hóa là một loại hành vi văn hóa, là hành vi đạo đức của con người được thực hiện bởi chủ thể có ý thức, mục đích nhất định để bày tỏ thái độ, cảm xúc tuân theo sự quy định của các chuẩn mực văn hóa, xã hội.”

1.2. Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học

1.2.1. Khái niệm giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học

Giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học được hiểu là một quá trình dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, thông qua các hoạt động giáo dục, các môn học và sinh hoạt hàng ngày, giúp cho HS có hiểu biết (nhận thức) về các vấn đề liên quan đến HVGTCVH. Trên cơ sở đó, hình thành thái độ đúng đắn, vận dụng kiến thức để thực hiện và hình thành thói quen hành vi phù hợp với các chuẩn mực giao tiếp do xã hội quy định nhằm giải quyết hiệu quả các mối quan hệ trong giao tiếp.

Trong quá trình này, nhà trường phải cung cấp cho người học những quy tắc giao tiếp ứng xử lịch sự, nhã nhặn, ân cần, chu đáo, thiện chí.

Quá trình giáo dục HVGTCVH thường đi từ nhận thức, thái độ đến rèn luyện hình thành hành vi, thói quen. Căn cứ vào nội dung, yêu cầu giáo dục cụ

thể đối với từng đối tượng giáo dục cụ thể mà các khâu của quá trình giáo dục được vận dụng với trình tự và tỉ trọng khác nhau.

Các tác động của nhà giáo dục đến HS được thể hiện từ việc xây dựng kế hoạch giáo dục, triển khai kế hoạch, hình thành hiểu biết, thái độ và thói quen thể hiện HVGTCVH trong các mối quan hệ xã hội. Kết quả quá trình giáo dục này thể hiện ở HS: nhận thức, hành vi trong các mối quan hệ với những người xung quanh (cha mẹ, thầy cô, bạn bè,...). Biểu hiện cụ thể như: Tôn trọng con người, tôn trọng đối tượng giao tiếp, tôn trọng thói quen, sở thích của nhau; luôn mong muốn xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người thông qua giao tiếp; nhân hậu, cư xử tốt với mọi người, có lòng vị tha, khoan dung, độ lượng, biết nhường nhịn nhau; trung thực, lời nói với việc làm luôn nhất quán, không giả dối. Trong giao tiếp, cá nhân biết cư xử lịch sự, khéo léo, đúng mực trong quan hệ, biết điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp; biết cách tạo ra những ấn tượng tốt đẹp ban đầu và điều chỉnh những ấn tượng ban đầu về người khác trong giao tiếp để tạo ra thiện cảm và hiểu biết lẫn nhau, gạt bỏ định kiến trước khi giao tiếp; có kỹ năng biết lắng nghe và cảm nhận tình cảm của người khác để thông cảm và đồng cảm, biết thể hiện suy nghĩ, chính kiến để người khác hiểu về mình.

Giáo dục HVGTCVH là giáo dục một trong những kỹ năng sống (kỹ năng giao tiếp, ứng xử) rất quan trọng. Giáo dục HS biết cư xử đúng mực, hình thành thói quen sử dụng ngôn ngữ lịch sự, tôn trọng người khác, biết chia sẻ, hợp tác, và thể hiện sự đồng cảm với mọi người xung quanh. Giáo dục HVGTCVH là một trong những nhiệm vụ quan trọng được tiến hành trong quá trình giáo dục HS. Giúp trẻ phát triển toàn diện về cả thể chất lẫn tâm lí.

Việc giáo dục HVGTCVH là trách nhiệm của nhà trường, gia đình giúp HS nhận biết và biết cách xử lí tình huống trong cuộc sống; đồng thời rèn luyện một số phẩm chất đạo đức như: sự tự tin, tính tích cực, lòng nhân ái, lòng khoan dung, sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm.

Giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 tạo dựng nền tảng vững chắc để HS hình thành và phát triển những kiến thức, kĩ năng về HVGTCVH. Việc giáo dục

HVGTCVH giúp các em tích cực tham gia các hoạt động ở trường, lớp và phát triển toàn diện mọi mặt như nhận thức, tình cảm, ngôn ngữ và thể chất. Giúp các em tự tin thể hiện bản thân và giải quyết các tình huống xung đột một cách ôn hòa. Đồng thời giúp HS phát triển các kỹ năng giao tiếp có văn hóa như biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi và biết lắng nghe người khác. Những điều trên giúp phát triển nhân cách của HS một cách toàn diện, từ đó góp phần xây dựng một môi trường học tập tích cực và lành mạnh cho các em.

1.2.2. Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

1.2.2.1. Mục tiêu

Mục tiêu giáo dục KNS cho HS nhằm trang bị cho HS kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó, hình thành cho HS những hành vi thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Tạo cơ hội thuận lợi để HS thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức [29; tr13]

Mục tiêu của giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 nhằm giúp cho HS có hiểu biết/nhận thức về các vấn đề liên quan đến HVGTCVH. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung nghiên cứu giáo dục HVGTCVH thông qua giảng dạy môn Đạo đức với chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè, từ đó vận dụng kiến thức để hình thành các kỹ năng liên quan bao gồm: nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè, nhận biết được cách xử lý khi có bất hòa với bạn, xử lý được bất hòa với bạn/thỏa hiệp và có khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học trong học tập, sinh hoạt.

Mục tiêu giáo dục HVGTCVH chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* được thể hiện qua:

- Tổ chức các hoạt động thảo luận: GV đặt ra các tình huống giả định về bất hòa giữa bạn bè. GV khuyến khích HS chia sẻ ý kiến và đưa ra các giải pháp để xử lý bất hòa với bạn bè.

- Sử dụng các trò chơi học tập giúp HS rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác. Xây dựng các tình huống để HS giải quyết bất hòa.

- Thực hành các tình huống thực tế: GV sử dụng các tình huống giả định hoặc câu chuyện thực tế để HS thực hành cách xử lý bất hòa. Từ đó giúp các em áp dụng các kỹ năng đã học vào các tình huống trong cuộc sống hàng ngày.

- HS được hướng dẫn cách đặt mình vào vị trí của bạn bè để hiểu quan điểm người khác và xử lý tình huống xung đột một cách đồng cảm. Đồng thời giúp các em biết lắng nghe một cách chủ động, không ngắt lời khi bạn đang nói và giúp cho các em bình tĩnh tìm hiểu rõ nguyên nhân gây ra bất hòa và tìm ra giải pháp hiệu quả hơn.

Giáo dục KNS trong môn Đạo đức để trang bị cho HS các KNS cần thiết, phù hợp với lứa tuổi tiểu học giúp các em biết sống và ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với những người thân trong gia đình, với thầy cô giáo, bạn bè và những người xung quanh; với cộng đồng, quê hương, đất nước và với môi trường tự nhiên; giúp các em bước đầu biết sống tích cực, chủ động, có mục đích, tự trọng, tự tin, có kỉ luật, biết hợp tác, giản dị, tiết kiệm, gọn gàng, ngăn nắp, vệ sinh... để trở thành con ngoan trong gia đình, HS tích cực của nhà trường và công dân tốt của xã hội. [29; tr87]

Việc giáo dục HVGTCVH trong môn Đạo đức (chủ đề *Xử lí bất hòa với bạn bè*) nhằm:

- Trang bị cho HS hiểu biết về HVGTCVH như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, nói lời yêu cầu, đề nghị, bày tỏ sự cảm thông và chia sẻ; bày tỏ ý kiến, ...; ứng xử phù hợp đối với một số tình huống đạo đức đơn giản, phổ biến trong cuộc sống hàng ngày; biết nhận xét đánh giá các ý kiến, hành động, lời nói, việc làm, các hiện tượng trong đời sống hàng ngày với các chuẩn mực đạo đức đã học; biết hợp tác với bạn bè, mọi người xung quanh trong hoạt động tập thể; biết nhận và thực hiện trách nhiệm bản thân.

- Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp có văn hóa như: lắng nghe ý kiến của người khác, biết bày tỏ cảm xúc của mình một cách lịch sự và rõ ràng, tìm giải pháp bất hòa với bạn bè.

- Bước đầu hình thành HVGTCVH cho HS tiểu học, những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực như tôn trọng ý kiến của người khác, sẵn sàng hợp tác và giúp đỡ bạn bè,...; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, trong hoạt động hàng ngày, giúp HS có khả năng làm chủ bản thân, ứng xử phù hợp với xung quanh và có khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.

- Giúp HS tự tin trong giao tiếp, biết giải quyết các tình huống xung đột một cách ôn hòa. Đồng thời giúp các em có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội, luôn sẵn sàng hào nhập tốt với cộng đồng, xã hội.

- Giúp HS biết cách áp dụng những kiến thức đã học về xử lý tình huống bất hòa với bạn bè áp dụng vào các tình huống thực tế trong cuộc sống.

- Rèn luyện cho các em lối sống có trách nhiệm với bản thân, bạn bè, gia đình và cộng đồng, mở ra cho các em cơ hội, hướng suy nghĩ tích cực, tự tin trong việc giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống.

- Tạo cơ hội thuận lợi để các em thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, đạo đức.

Như vậy, giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 nhằm trang bị cho các em kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp về HVGTCVH. Giúp các em nhận thức về hành vi GTCVH (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi,...) và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp có văn hóa. Từ đó hình thành cho HS những hành vi, thói quen tích cực; loại bỏ những thói quen, hành vi tiêu cực trong các mối quan hệ và trong cuộc sống hằng ngày. Đồng thời giúp HS xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè, thầy cô, tạo nên một môi trường học tập thân thiện và hòa đồng.

1.2.2.2. Nội dung

Giáo dục KNS nói chung và giáo dục HVGTCVH nói riêng được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, chuyên đề giáo dục kỹ năng sống và các môn học, điển hình như môn Đạo đức. Nội dung giáo dục kỹ năng sống, trong đó có giáo dục HVGTCVH và những vấn đề liên quan đến HVGTCVH của HS tiểu học được thực hiện bám sát nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Trong công văn 463/BGDĐT-GDTEX ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên đã xác định nội dung giáo dục kỹ năng sống cho HS tiểu học: “Tiếp tục rèn luyện những kỹ năng đã được học ở mầm non, tập trung hình thành cho HS kỹ năng giao tiếp với cha mẹ, thầy cô, bạn bè; kỹ năng xây dựng tình bạn đẹp; kỹ năng kiên trì trong học tập; kỹ năng đúng giờ và làm việc theo yêu cầu, kỹ năng đồng cảm,... tạo tiền đề cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất, học vấn và năng lực của HS”

Theo quan niệm của các tác giả Lưu Thu Thủy, Trần Thị Thái Hà, Đào Vân Vi, đối với HS lớp 3, nhà trường cần hình thành và phát triển cho HS các kỹ năng sống như: kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp với bạn bè, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng hợp tác.

Các nội dung giáo dục trong môn Đạo đức của chương trình lớp 3 gồm yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trung thực; trách nhiệm; kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân; kỹ năng tự bảo vệ và chuẩn mực hành vi pháp luật.

Thông qua môn Đạo đức ở chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè, HS được giáo dục các nội dung cụ thể sau:

- Tìm hiểu một số biểu hiện bất hòa với bạn bè.
- Tìm hiểu cách xử lý bất hòa với bạn bè.
- Tìm hiểu ý nghĩa của việc giải quyết bất hòa với bạn bè và ý nghĩa khi giúp bạn bè xử lý bất hòa.
- Chia sẻ việc nên làm hoặc không nên làm để xử lý bất hòa với bạn bè.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng để thực hành xử lý các tình huống bất hòa với bạn bè.

Một số KNS được giáo dục cho HS thông qua môn Đạo đức lớp 3, cụ thể như:

- Kỹ năng giao tiếp: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi; bày tỏ ý kiến,...
- Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực;

- Kỹ năng hợp tác: biết hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh trong các hoạt động tập thể.

- Kỹ năng kiểm soát cảm xúc.

- Kỹ năng tự nhận thức: Biết xác định và đánh giá bản thân (điểm mạnh, điểm yếu) của bản thân

- Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề: Biết lựa chọn và thực hiện cách ứng xử phù hợp đối với một số tình huống đạo đức đơn giản, phổ biến trong cuộc sống hằng ngày.

- Kỹ năng tư duy phê phán: biết nhận xét, đánh giá các ý kiến, hành động, lời nói, việc làm, các hiện tượng trong đời sống hằng ngày đối chiếu với các chuẩn mực đạo đức đã học.

- Kỹ năng đặt mục tiêu: biết đặt kế hoạch học tập, rèn luyện theo các chuẩn mực đã học.

- Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm: biết nhận và thực hiện trách nhiệm của bản thân. [29; tr82]

Một số hành vi giao tiếp có văn hóa được giáo dục cho HS thông qua môn Đạo đức ở chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* như:

- Kỹ năng giao tiếp: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi,...

- Giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, loại bỏ những hành vi tiêu cực.

- Bình tĩnh khi có bất hòa với bạn bè, tìm hiểu nguyên nhân gây bất hòa với bạn bè

- Bình tĩnh lắng nghe, không chen ngang cắt lời

- Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề: Biết lựa chọn và thực hiện cách ứng xử phù hợp với một số tình huống bất hòa với bạn bè.

- Bày tỏ thái độ phù hợp khi xử lý bất hòa với bạn bè: Đồng tình với các hành vi GTCVH, bày tỏ thái độ không đồng tình với người thực hiện hành động gây bất hòa.

- Biết nhận xét, đánh giá các ý kiến, hành động, lời nói và hành vi giao tiếp đối chiếu với các chuẩn mực đạo đức đã học.

- Quan tâm đến người thân, bạn bè; bày tỏ sự cảm thông và chia sẻ; sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.

- Tôn trọng, chấp nhận ý kiến của mọi người. Sẵn sàng hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh trong các hoạt động tập thể.

Như vậy, các nội dung giáo dục HVGTCVH tập trung vào hành vi chào hỏi, hành vi thể hiện nhu cầu cá nhân, hành vi thể hiện sự biết lỗi và có lỗi, hành vi thể hiện sự quan tâm và được quan tâm, hành vi tham gia vào hội thoại, hành vi thể hiện lòng tin với mọi người, xử lý bất hòa trong giao tiếp với bạn bè,...Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường tiểu học, cộng đồng gần gũi.

1.2.2.3. Phương pháp giáo dục

Phương pháp, hình thức: phối kết hợp các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi.

Phương pháp giáo dục HVGTCVH là cách thức tổ chức các hoạt động hằng ngày (học tập, giao tiếp, lao động, sinh hoạt...) cho HS tiểu học của nhà giáo dục nhằm mục đích chuyển nội dung giáo dục (các HVGTCVH) thành hành vi (tri thức, kỹ năng, thái độ) của HS.

Giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học chính là giáo dục kỹ năng sống, do đó nhà giáo dục cần sử dụng phối kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp, phát huy tính tích cực của người học, sao cho người học được làm việc, thực hành, trao đổi, tham gia hoạt động và trải nghiệm nhiều nhất.

Khi lựa chọn phương pháp giáo dục HVGTCVH cho HS cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc tương tác: KNS không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và tự đọc mà phải thông qua hoạt động tương tác với người khác. Việc nghe giảng và tự đọc tài liệu chỉ giúp HS thay đổi nhận thức về một vấn đề nào đó. Nhiều KNS được hình thành trong quá trình HS tương tác với bạn học và những người xung quanh thông qua hoạt động học tập hoặc các hoạt động xã hội trong nhà trường.

- Nguyên tắc trải nghiệm: KNS chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế. Kinh nghiệm có được khi HS được hành

động trong các tình huống đa dạng giúp các em dễ dàng sử dụng và điều chỉnh các kỹ năng phù hợp với điều kiện thực tế.

- Nguyên tắc tiến trình: Giáo dục KNS không thể hình thành trong “ngày một, ngày hai” mà đòi hỏi phải có cả quá trình: nhận thức – hình thành thái độ - thay đổi hành vi. Đây là một quá trình mà mỗi yếu tố có thể là khởi đầu của một chu trình mới.

- Nguyên tắc thay đổi hành vi: Mục đích cao nhất của giáo dục KNS là dục người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Giáo dục KNS so sánh thúc đẩy người học thay đổi theo định hướng lại các giá trị, thái độ và hành động của mình.

- Nguyên tắc thời gian – môi trường giáo dục: Giáo dục KNS cần thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em. Môi trường giáo dục được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho HS áp dụng kiến thức và kỹ năng vào các tình huống “thực” trong cuộc sống. [29; tr14,15]

- Nguyên tắc cùng tham gia: Các phương pháp tạo sự tương tác giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau và vai trò tham gia của người học trong thực hành kỹ năng

- Nguyên tắc hướng vào người học: Dựa vào kinh nghiệm sống và đáp ứng nhu cầu của người học

Bên cạnh đó, cần phải căn cứ vào mục đích, nội dung, các phương tiện giáo dục và đặc điểm tâm sinh lý của HS tiểu học. Một số phương pháp thường sử dụng trong quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học:

- Phương pháp thuyết trình là phương pháp giáo viên dùng lời nói để trình bày, giải thích nội dung chủ đề bài học giáo dục kỹ năng sống một cách logic và có hệ thống.

- Phương pháp vấn đáp là phương pháp giáo viên tổ chức thực hiện quá trình hỏi - đáp giữa giáo viên và HS nhằm làm sáng tỏ nội dung bài học hoặc rút ra những kết luận cần thiết.

- Phương pháp thực hành/luyện tập là phương pháp trong đó dưới sự hướng dẫn của GV, HS lặp đi lặp lại nhiều lần những hành động cụ thể trong

những hoàn cảnh khác nhau, nhằm hình thành và phát triển cho HS những kỹ năng sống cần thiết.

- Phương pháp nghiên cứu tình huống là phương pháp trong đó GV tổ chức cho HS nghiên cứu những tình huống thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn chứa đựng các vấn đề cần giải quyết, qua đó giúp các em tìm ra những kiến thức mới và hình thành những kỹ năng sống cần thiết.

Tình huống trong giáo dục HVGTCVH có thể được đưa ra dưới dạng một câu chuyện kể, đoạn video, một tình huống do HS tự đóng vai.

Việc tổ chức cho HS nghiên cứu tình huống giúp các em gắn liền kiến thức với thực tiễn, kích thích hứng thú và tính tích cực học tập, phát triển tốt khả năng tư duy và trí tưởng tượng, sáng tạo của các em.

- Phương pháp trò chơi là phương pháp tổ chức cho người học tham gia một trò chơi, thông qua đó giúp họ được tìm hiểu vấn đề, được bày tỏ thái độ, hành vi hay việc làm phù hợp trong một tình huống cụ thể.

Sử dụng trò chơi trong học tập giúp cho việc học tập của HS trở nên nhẹ nhàng, sinh động, lôi cuốn HS vào quá trình hoạt động một cách tự nhiên, hứng thú, có tinh thần trách nhiệm, giảm thiểu sự căng thẳng, mệt mỏi. Trò chơi còn giúp tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với HS, GV với HS.

- Phương pháp đóng vai là phương pháp trong đó người học thực hành “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định.

Phương pháp đóng vai giúp cho HS được rèn luyện, thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, tạo điều kiện phát triển sự sáng tạo, khả năng phân tích, phê phán để tìm ra những phương pháp giải quyết phù hợp trong những tình huống cụ thể.

- Phương pháp thảo luận nhóm là phương pháp chia người học ra thành các nhóm nhỏ để cùng nhau thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm về một chủ đề, một vấn đề để đi đến kết luận, hay tìm ra cách giải quyết vấn đề có liên quan đến chủ đề giáo dục kỹ năng sống. Phương pháp hoạt động nhóm nhằm giúp cho mọi HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, quá trình giáo dục, tạo cơ hội

cho các em có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học, nội dung giáo dục, tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung; đồng thời giúp các em hiểu biết lẫn nhau để có thể cảm thông, giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động.

- Phương pháp rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã biết vào việc thực hiện những hành vi, việc làm trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thói quen đạo đức cho HS.

Bên cạnh đó, để giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học có thể kết hợp một số phương pháp như: kể chuyện, đàm thoại, giảng giải, tập luyện theo mẫu hành vi và tổ chức làm việc cá nhân.

1.2.2.4. Hình thức giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

Hình thức giáo dục HVGTCVH rất đa dạng và phong phú. Trong quá trình thực hiện đòi hỏi người GV phải lựa chọn và sử dụng các hình thức giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng điều kiện cụ thể, bao gồm:

- Giáo dục HVGTCVH như một hoạt động ngoại khóa: tham quan, câu lạc bộ,...

Hình thức tham quan: là hình thức tổ chức dạy học nhằm tổ chức cho HS quan sát trực tiếp hiện tượng trong xã hội, trong cuộc sống. Từ đó mở rộng tầm nhìn vốn hiểu biết của HS và gây hứng thú trong học tập.

Hoạt động câu lạc bộ: Các câu lạc bộ trong trường tiểu học thường là nơi rèn luyện cho các em năng khiếu tự có của bản thân, thông qua mô hình câu lạc bộ các em sẽ học thêm được nhiều điều bổ ích, lý thú, tạo điều kiện cho các em tiếp xúc với điều trong trường học. Thông qua đó các em có thể xử lý khéo léo các tình huống trong thực tiễn.

- Giáo dục HVGTCVH theo phương pháp tích hợp: lồng ghép nội dung giáo dục HVGTCVH trong tiết sinh hoạt cuối tuần, chào cờ đầu tuần, trong hoạt động trải nghiệm, trong các bài học hay chương trình môn học.

Quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học cần tuân thủ các nguyên tắc: Nguyên tắc tương tác, nguyên tắc trải nghiệm; nguyên tắc tiến trình, nguyên tắc thay đổi hành vi, thời gian - môi trường giáo dục: tạo môi trường cho HS tương tác với các bạn cùng học và những người xung quanh, tổ chức cho người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế; thực hiện giáo dục theo quy trình từ giáo dục nhận thức - hình thành thái độ - thay đổi hành vi nhằm giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực; thực hiện mọi lúc, mọi nơi và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em.

1.3. Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh tiểu học

HS tiểu học bao gồm những trẻ em có lứa tuổi từ 6 đến 11, 12 tuổi. Đây là lứa tuổi lần đầu tiên đến trường phổ thông, trở thành HS và có hoạt động chủ yếu là hoạt động học tập. Ở cấp tiểu học, HS tham gia vào nhiều hoạt động học tập khác nhau xoay quanh việc tiếp thu kiến thức khoa học và các kỹ năng cần thiết khác. HS phải thiết lập, vận hành và duy trì cùng một lúc nhiều mối quan hệ có tính chất khác nhau. Các em thường giao tiếp trong các mối quan hệ với bạn bè (chủ yếu là bạn cùng lớp) quan hệ với thầy cô, quan hệ với “anh/chị/em” cùng trường... Mặc dù giai đoạn trước, giao tiếp cảm xúc là hình thức kết nối chính của trẻ với các mối quan hệ khác nhưng giờ đây, trong các mối quan hệ điển hình, giao tiếp công việc lại chiếm ưu thế hơn hẳn. Vì vậy để tham gia và thực hiện được hoạt động học tập và các loại hoạt động khác, trẻ cần phải có khả năng thiết lập các mối quan hệ tích cực và phát triển các khuôn mẫu hành vi phù hợp.

Giao tiếp của HS tiểu học có một số đặc điểm sau:

- Giao tiếp của HS tiểu học thường xảy ra trong mối quan hệ của các em với bạn bè, với người thân và những người khác trong cuộc sống. Ở tiểu học, sự tương tác của HS chủ yếu diễn ra trong các mối quan hệ khác nhau như giao tiếp với bạn bè; giao tiếp với thầy cô dạy chủ nhiệm, với các thầy cô và cán bộ, nhân viên trong trường. Giao tiếp của các em có nhiều hình thức như giao tiếp cá nhân - cá nhân, cá nhân - nhóm,...HS tiểu học sử dụng cả hai phương tiện giao

tiếp: ngôn ngữ (nói, viết) và phi ngôn ngữ (ngữ điệu, cử chỉ, biểu cảm khuôn mặt,...)

- Trong quá trình hoạt động, những mối quan hệ mới của HS tiểu học được xác lập, đó là quan hệ giữa HS và GV, giữa HS và HSĐối với lứa tuổi tiểu học, việc giao tiếp còn thể hiện sự bất chước và tính hồn nhiên, bộc lộ nhu cầu ý thức và tự đánh giá bản thân, người khác. Tuy nhiên sự nhận thức và tự đánh giá còn phụ thuộc nhiều vào người lớn. [21; tr34]

- Giao tiếp của HS tiểu học mang đậm cảm xúc; phạm vi và nội dung giao tiếp của các em còn hẹp. Các em chủ yếu giao tiếp trong các mối quan hệ với bạn bè (chủ yếu là bạn cùng lớp); với thầy cô (chủ yếu là thầy cô chủ nhiệm) và với người thân trong gia đình. Nội dung của các cuộc giao tiếp thường xoay quanh những vấn đề gần gũi quen thuộc với cuộc sống của các em như những chủ đề về học tập, vui chơi và các hoạt động cùng nhóm, cùng lớp. Các em thường giao tiếp với các bạn thông qua hành vi cụ thể, hành động đơn giản như cho nhau mượn đồ dùng học tập,... Nội dung giao tiếp giữa các em với cha mẹ tập trung nhiều vào những vấn đề liên quan đến hoạt động học tập, thầy cô, bạn bè, trường lớp.

- Khi giao tiếp với giáo viên về các nội dung học tập, các vấn đề xoay quanh nội quy học tập các em vẫn còn rụt rè, e ngại; nội dung giao tiếp còn mang tính cá nhân, luôn thể hiện thân tình với giáo viên (đặc biệt là HS lớp 1); trong các hoạt động tập thể, văn nghệ, vui chơi, giải trí,... các em luôn hào hứng, phấn khởi tham gia một cách cởi mở, nhiệt tình, sôi nổi và HS thường coi hành vi, cử chỉ, điệu bộ, cách nói năng của thầy cô làm chuẩn mực hành vi và bắt chước. Các em yêu quý thầy cô, coi thầy cô là “thần tượng”, “chuẩn mực tuyệt đối”. [21; tr36]

- Theo Nguyễn Kế Hào, giao tiếp của HSTH thực hiện các chức năng khác nhau. Giao tiếp của HSTH thường thực hiện các chức năng: thông tin (trao đổi, truyền đạt cho nhau những tri thức, những kinh nghiệm, tin tức); cảm xúc (bộc lộ cảm xúc, tạo ra những ấn tượng, những cảm xúc mới); nhận thức lẫn nhau và đánh giá lẫn nhau (đánh giá lẫn nhau trên cơ sở nhận thức được về nhau

từ sự bộc lộ quan niệm, ý nghĩ, thái độ, thói quen của mỗi em và tự đánh giá được mình trên cơ sở so sánh với người khác, với bạn bè và ý kiến đánh giá của người khác); điều chỉnh hành vi (có thể tự điều chỉnh hành vi của mình và có thể tác động đến bạn khác); phối hợp hoạt động (cùng nhau giải quyết nhiệm vụ học tập và các nhiệm vụ khác nhằm đạt tới mục tiêu chung). [9; tr178]

- Giao tiếp của HS tiểu học được phát triển dưới ảnh hưởng của cuộc sống trường tiểu học. Đầu tiểu học, trẻ chủ yếu giao tiếp với người lớn, đặc biệt là người thân. Trẻ mong muốn nhận được sự quan tâm; muốn thể hiện tình cảm; muốn được hợp tác; muốn hiểu biết và trải nghiệm. Đối với HS các lớp cuối tiểu học, do sự phát triển thể chất, tâm lí và ngôn ngữ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp với những người xung quanh. Các em đã có thể chủ động mở rộng thời gian và không gian giao tiếp. Đối tượng giao tiếp của trẻ cuối tiểu học phong phú hơn nhiều, đặc biệt bạn cùng tuổi. Động cơ giao tiếp của các em cũng có sự biến đổi so với đầu tiểu học. Các em muốn quan tâm đến người khác, muốn làm rõ sự đánh giá của người khác về các hành vi, hành động của bản thân.

1.4. Vai trò của giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh tiểu học

- Giao tiếp giúp HS tiếp nhận và trao đổi thông tin, tiếp thu vốn tri nhân loại, biến nó thành vốn kinh nghiệm, vốn sống của bản thân, từ đó mà hình thành nhân cách và phát triển tâm lí.

- Giáo dục HVGTCVH giúp HS khơi dậy, lan tỏa và phát huy mặt tích cực của cá nhân như điều chỉnh hành vi ứng xử trong cuộc sống, rèn luyện và cải thiện kỹ năng giao tiếp; giúp HS biết lắng nghe, học hỏi và tôn trọng mọi người; thúc đẩy HS thực hiện những điều tốt đẹp có ích cho cả bản thân và cộng đồng.

- Giao tiếp giúp HS thiết lập và vận hành được các quan hệ bạn bè, thầy cô, tạo lập được quan hệ liên nhân cách (quan hệ liên nhân cách là quan hệ giữa người và người trên cơ sở những tình cảm và sự đồng nhất với nhau ở mức độ nhất định). Thúc đẩy và duy trì mối quan hệ với mọi người xung quanh.

- Giao tiếp góp phần to lớn trong việc xây dựng và phát triển khả năng hợp tác, tinh thần tập thể để cùng nhau có trách nhiệm chung, hướng tới đạt được mục tiêu chung của cả nhóm, cả tổ, cả lớp. Thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô là yếu tố quyết định sự bình yên về mặt tâm lý của HS tiểu học.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học

1.5.1. Giáo dục gia đình

Giáo dục gia đình có những nét đặc thù mà giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội không có được: vô cùng cần thiết đối với mọi nhà, mọi người, mọi tầng lớp xã hội, đó là giáo dục bằng tình cảm và thông qua tình cảm, bằng giao tiếp trực tiếp và thường xuyên với người học hình thành HVGTCVH với những người xung quanh một cách tự nhiên và nhẹ nhàng.

Ngay từ khi ra đời, gia đình là môi trường văn hóa - xã hội đầu tiên và gần gũi nhất, có ý nghĩa quan trọng đến sự phát triển nhân cách những năm đầu đời của trẻ em. Gia đình là tác nhân quan trọng trong việc tạo ra môi trường sống an toàn, đảm bảo sự sống cho trẻ em, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt được các giá trị xã hội cơ bản, là màng lọc giúp trẻ em khắc phục những tác động tự phát của các yếu tố tiêu cực bên ngoài xã hội, giúp trẻ thích ứng tích cực với cuộc sống xã hội phức tạp và đầy biến động.

Những tác động của gia đình trong việc hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ có thể diễn ra một cách tự phát hoặc tự giác. Sự tác động tự phát thông qua sự ảnh hưởng qua lại giữa các thành viên như cách xử lý, thái độ, hành vi khi gặp tình huống nguy hiểm mà trẻ được chứng kiến trẻ sẽ ấn tượng, nhớ lâu và cho đây như là một trải nghiệm của mình. Bên cạnh đó, những tác động của gia đình còn là những tác động mang tính tự giác, tự nhiên vốn dĩ nó diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, thông qua sự giáo dục của người lớn đến trẻ. Sự gần gũi của cha mẹ sẽ hiểu được những nhu cầu hứng thú nhu cầu của con cũng như những khó khăn, khó nói của con khi gặp các vấn đề về bản thân. Cha mẹ có thể giáo dục con thông qua trò chuyện, những câu chuyện kể, nêu gương các tình huống thực tế,... dần sẽ hình thành thói quen về hành vi, những kỹ năng

bảo vệ bản thân mình ở mọi lúc mọi nơi, ngay cả khi không có cha mẹ người thân bên cạnh.

1.5.2. Nhà trường

Môi trường giáo dục nhà trường là nơi có những tác động mang tính chuyên môn và khoa học. Những người giáo dục là giáo viên dạy HS, được đào tạo chuyên môn, có chương trình mang tính logic, khoa học và có những phương pháp giáo dục hiệu quả. Tất cả những tác động từ những môi trường này sẽ góp phần hình thành nên những thói quen hành vi tự bảo vệ thân thể cho HS và có tác động rất lớn tới nhận thức, hành vi, thái độ trong việc bảo vệ giữ gìn an toàn cho chính bản thân mình của HS. Nhà trường có khả năng xác định mục tiêu phát triển kỹ năng tự bảo vệ bản thân của cá nhân trong từng giai đoạn. Từ đó xây dựng nhiệm vụ cụ thể, hoạch định nội dung, phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho từng cá nhân.

Nhà trường là đơn vị cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân nơi có đội ngũ giáo viên được trang bị đầy đủ về mặt chuyên môn và cơ sở lý luận khoa học về công tác dạy học và giáo dục HS. Vì vậy giáo viên không chỉ chăm sóc trẻ một cách khoa học mà họ còn có khả năng tổ chức các hoạt động nhằm hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân một cách phù hợp với trình độ nhận thức, hứng thú, sở thích của HS. Sự tác động toàn diện của giáo dục nhà trường tạo điều kiện tối ưu để HS phát triển đầy đủ và nhanh chóng mọi tiềm năng của mình. Những nội dung, biện pháp giáo dục mà giáo viên thực hiện không chỉ phù hợp với lứa tuổi mà còn phù hợp với đặc điểm tâm lý của từng HS. Kỹ năng bao quát và quan sát trẻ trong quá trình giảng dạy trên lớp được coi trọng cho mỗi giáo viên. Bởi lẽ, hứng thú nhận thức, hứng thú ham hiểu biết của mỗi trẻ là khác nhau cũng như các nét tính cách của mỗi trẻ cũng khác nhau. Nên việc hiểu và nắm rõ đặc điểm cá nhân trẻ là quan trọng khi hình thành kỹ năng.

Đây là môi trường xã hội khác với môi trường gia đình, phạm vi giao tiếp của HS được mở rộng rất nhiều: với cô, với bạn, với các lực lượng giáo dục khác, thông qua các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, các môn học,...

HS có hiểu biết về các chuẩn mực hành vi giao tiếp, phát triển ngôn ngữ, phát triển các hoạt động nhận thức (năng lực quan sát, sức tập trung chú ý, các chức năng tâm lý bậc cao - tình cảm, ý chí, ý thức, tư duy, ngôn ngữ...), từng bước được rèn luyện để hình thành kỹ năng.

Trường tiểu học là môi trường mà ở đó HS được giao lưu, học tập, rèn luyện và phát triển, trong môi trường đó, HS được tham gia xây dựng nội quy, văn hóa ứng xử, hình thành các hành vi GTCVH thông qua các hoạt động giáo dục phong phú và tích hợp ở các môn học trong chương trình.

1.5.3. Nhóm bạn bè

Thông qua giao tiếp, các hoạt động học tập, lao động, vui chơi, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm...cùng với sự giáo dục, rèn tập của Thầy/cô giáo, HS mở rộng hiểu biết, rèn luyện ý chí, trải nghiệm, từng bước hình thành kỹ năng GTCVH.

Nhóm GT bạn bè của HS tiểu học cũng khá đa dạng, phong phú tạo môi trường cho HS trao đổi thông tin có ý nghĩa đối với bản thân.

So với những tác động của gia đình, nhóm bạn và các lực lượng xã hội khác, sự tác động giáo dục của nhà trường sâu sắc và mạnh mẽ, toàn diện và triệt để hơn rất nhiều.

1.5.4. Yếu tố từ phía bản thân học sinh

Khả năng nhận thức của HS tiểu học mang tính trực tiếp, cụ thể. HS chỉ hiểu và nắm rõ đối tượng, những mối liên hệ mang tính trực quan, những hình ảnh trực quan của mọi sự vật hiện tượng khi được trải nghiệm trên thực tế. HS có thể thực hiện kỹ năng bảo vệ bản thân, nếu người lớn hướng dẫn đầy đủ, đúng phương pháp trên cơ sở hiểu đặc điểm nhận thức, hứng thú của độ tuổi. Muốn cho HS có thể thực hành kỹ năng thì phải giúp trẻ nhận thức đầy đủ về mục đích, lợi ích và biểu hiện của các kỹ năng, bởi lẽ, “biết các tri thức về hành động vừa là điều kiện để xây dựng nên kỹ năng, vừa là giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành kỹ năng” (Thái Hà, 2009).

Các nhà tâm lý học nghiên cứu và chỉ ra rằng, hứng thú có một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của con người, trong đó có trẻ em. Sự hứng

thú sẽ thúc đẩy trẻ tham gia tích cực vào hoạt động, lĩnh hội tri thức mới, tò mò khám phá thế giới xung quanh. Hứng thú của trẻ thể hiện trước hết ở sự tập trung chú ý cao độ, sự say mê đối với thế giới của mình. Sự hứng thú gắn liền với tình cảm của trẻ, nó là động cơ thúc đẩy trẻ tham gia tích cực vào hoạt động nhận diện, ứng phó, tìm kiếm sự giúp. Ngược lại, khi trẻ không có hứng thú thì kết quả hình thành kỹ năng nhận biết và xử lý khi gặp người lạ hoặc khi bị xâm hại tình dục sẽ không cao, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực. Những nét ý chí của tính cách sẽ quy định sự sẵn sàng trong hành vi của trẻ. Tuy nhiên, ở độ tuổi này, trẻ khó điều chỉnh hành vi của mình cho việc thực hiện nhiệm vụ nhất định nhằm hình thành kỹ năng nào đó. Vì vậy, rất cần sự động viên khuyến khích từ người lớn và những biện pháp trong việc thu hút sự tập trung chú ý vào hoạt động nào đó cho trẻ. Tính cách mỗi trẻ cũng có ảnh hưởng đến quá trình học tập, không trẻ nào lại có tính cách giống tính cách trẻ nào. Thông thường những HS mạnh dạn, tự tin thường tích cực trong việc tham gia các hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ mà giáo viên hướng dẫn, cởi mở trong việc chia sẻ kinh nghiệm hay suy nghĩ của bản thân, từ đó sẽ hình thành kỹ năng tốt hơn. Ngược lại, những HS rụt rè thường thụ động trong khi thực hiện các nhiệm vụ hành động, không dám đưa ra ý kiến của bản thân, khiến việc hình thành kỹ năng giữ an toàn, tự bảo vệ thân thể cho HS sẽ gặp khó khăn hơn.

Bản thân HS đến trường được các Thầy/Cô giáo hướng dẫn, hỗ trợ tích cực chủ động tham gia vào các hoạt động ở trường tiểu học như học tập, lao động, tích cực giao tiếp với những người xung quanh.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc giáo dục HVGTCVH thuận lợi cần dựa trên một số điều kiện:

GV phải là người trực tiếp triển khai các biện pháp giáo dục HVGTCVH cho HS thông qua quá trình tổ chức các hoạt động cho các em ở trường tiểu học. Do đó giáo viên phải nắm được kế hoạch, chương trình giáo dục, đặc điểm đối tượng, có trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm nhất định, có khả năng phối hợp linh hoạt để chủ động đưa nội dung giáo dục HVGTCVH cho HSTH vào các hoạt động và thời điểm phù hợp với điều kiện, đối tượng cụ thể.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ lứa tuổi tiểu học. Một cách khái quát có thể chia chúng thành các nhóm yếu tố khách quan (gia đình, nhà trường, mạng xã hội, truyền thông, Internet...) và nhóm yếu tố chủ quan (khả năng nhận thức, hứng thú, tính cách của trẻ). Các yếu tố này có ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng ở trẻ với các mức độ, các khía cạnh khác nhau.

Đặc biệt các yếu tố từ bản thân HS, yếu tố nhà trường và yếu tố gia đình là các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng cho trẻ. Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến đặc điểm tâm lí, khả năng nhận thức của trẻ trong giai đoạn từ 6-11 tuổi. Vì vậy cần phải có biện pháp tác động để đạt hiệu quả trong việc hình thành kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho HS lứa tuổi tiểu học.

Kết luận chương 1

Giáo dục kỹ năng sống nói chung, HVGTCVH cho trẻ em là nhiệm vụ cấp thiết của gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội. Đối với HS lứa tuổi tiểu học, việc HVGTCVH đang được các bậc phụ huynh và trường Tiểu học quan tâm, đã được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế nhằm trang bị cho HS hiểu biết, kỹ năng cơ bản để vận dụng trong học tập, sinh hoạt.

Trong nghiên cứu đề tài, chúng tôi sử dụng khái niệm: Giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học được hiểu là một quá trình dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, thông qua các hoạt động giáo dục, các môn học và sinh hoạt hàng ngày, giúp cho HS có hiểu biết (nhận thức) về các vấn đề liên quan đến HVGTCVH. Trên cơ sở đó, hình thành thái độ đúng đắn, vận dụng kiến thức để thực hiện và hình thành thói quen hành vi phù hợp với các chuẩn mực giao tiếp do xã hội quy định nhằm giải quyết hiệu quả các mối quan hệ trong giao tiếp.

Giáo dục HVGTCVH giúp HS hiểu, biến những kiến thức về kỹ năng sống được cung cấp thành hành động cụ thể trong quá trình hoạt động thực tiễn với bản thân, với người khác, với xã hội, ứng phó trước nhiều tình huống, học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người, giải quyết mâu thuẫn trong mối quan hệ và thể hiện bản thân một cách tích cực... giúp trẻ phát triển hài hòa, toàn diện về nhân cách. Mặt khác, đối với HS tiểu học, đây cũng là sự chuẩn bị cho các em

thích ứng với mọi sự biến đổi trong cuộc sống, giúp các em tự chủ, tự tin trong cuộc sống, tự nhận thức bản thân, phát huy thể mạnh cá nhân; rèn luyện những phẩm chất đạo đức tốt; biết ứng xử đúng mực, linh hoạt trong những tình huống khó khăn của cuộc sống; giúp trẻ ý thức và có năng lực thực hiện bổn phận cũng như bảo vệ quyền trẻ em, bảo vệ mình trước những vấn đề của xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn, lành mạnh của các em, phòng ngừa những hành vi có hại cho sự phát triển của bản thân.

Việc giáo dục HVGTCVH nói riêng được thực hiện lồng ghép, tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học. Giáo dục HVGTCVH tác động đến nhận thức, tình cảm của HS, trở thành một nhu cầu, đồng thời cũng là điều kiện không thể thiếu trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của HS, giúp các em có thể tham gia vào các hoạt động khác nhau như: vui chơi, học tập, lao động... nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho bản thân.

Để thực hiện việc giáo dục HVGTCVH cho HS ở trường Tiểu học có hiệu quả cần phải thực hiện bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau phù hợp điều kiện thực tế, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, các yêu cầu, nguyên tắc và quy trình hình thành kỹ năng.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HÀNH VI GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA CHO HỌC SINH LỚP 3 TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN NHÂN

2.1. Vài nét về Trường Tiểu học Yên Nhân

Trường tiểu học Yên Nhân được thành lập từ năm 1954 trường có tên gọi là Trường phổ thông cấp 1 Yên Nhân.

Tháng 9/1978, theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục các trường cấp 1 - cấp 2 sáp nhập thành trường cấp 1 - 2 Yên Nhân. Sau đó đổi tên trường cấp 1 - 2 thành trường phổ thông cơ sở Yên Nhân.

Từ tháng 9/1982 tách làm 02 trường và đổi tên thành trường phổ thông cơ sở Liên Phương và trường phổ thông cơ sở Thanh Bình. Tháng 9/1989 đổi tên hai trường thành Trường THCS Liên Phương và trường THCS Thanh Bình.

Năm 1991 - 1992 Đảng uỷ ra quyết định tách 02 trường THCS thành 4 trường: Tách trường Trung học cơ sở Liên Phương thành 02 trường: trường cấp 1 Liên Phương và trường cấp 2 Liên Phương. Tách trường THCS Thanh Bình thành 02 trường: trường cấp 1 Thanh Bình và trường cấp 2 Thanh Bình.

Năm 2003 trường cấp 1 Liên Phương đổi tên thành trường tiểu học A Yên Nhân; trường cấp 1 Thanh Bình thành trường tiểu học B Yên Nhân.

Năm 2011 trường tiểu học Yên Nhân được thành lập vào ngày 8 tháng 4 năm 2011 từ 02 trường đạt chuẩn quốc gia (Trường Tiểu học A Yên Nhân đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2001 và Trường Tiểu học B Yên Nhân đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2006).

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế xã hội giáo dục và đào tạo có bước tiến bộ vượt bậc. Quy mô phát triển các ngành học, bậc học đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS và người lao động; chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ nét cả đại trà và mũi nhọn; công tác xã hội hoá giáo dục có bước tiến mới, cơ sở vật chất được tăng cường, trường lớp khang trang, sạch, đẹp và mua sắm được khá đầy đủ các phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập. Hiện tại nhà trường có 40 máy tính để bàn, 2 máy chiếu, 30 tivi, 8 máy in, 04 loa kéo và hệ thống Internet các phòng học phục vụ cho việc dạy, học và công tác quản lý. Các công trình phụ

trợ như nhà để xe của giáo viên và HS, nhà vệ sinh riêng cho nam nữ, cho giáo viên và HS. Có sân chơi vận động, sân tập thể dục đáp ứng được nhu cầu sử dụng của giáo viên và HS.

Năm học 2023 - 2024: Toàn trường có 941 HS với 29 lớp. Với 52 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trường có Chi bộ Đảng, có tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chức, đoàn thể hoạt động có hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có phẩm chất đạo đức trong sáng, nhiệt tình, trách nhiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt; 100% cán bộ, GV nhà trường có trình độ chuyên môn nghiệp vụ khá tốt, trình độ đào tạo phần lớn đều đạt chuẩn so với yêu cầu.

Trường có 2 điểm trường: Điểm trường chính (khu A) địa chỉ: Xóm Vạn, xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Điểm trường lẻ (khu B) địa chỉ: Vĩnh Lộc, xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Diện tích khuôn viên: 10655,3 m². Tỷ lệ diện tích/HS: 8,27 m²/HS. Toàn trường có 29 phòng học, và các phòng chức năng, phòng làm việc đều được xây kiên cố hiện đại. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường tương đối đầy đủ, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả đáp ứng được yêu cầu CTGDPT 2018, cảnh quan khuôn viên nhà trường được quy hoạch khang trang có bồn hoa cây cảnh được chăm sóc thường xuyên.

Trường Tiểu học Yên Nhân có bề dày truyền thống, nhiều năm liên đạt danh hiệu trường tiên tiến, xuất sắc. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương, Hội cha mẹ HS và đặc biệt là sự chỉ đạo sâu sát của Phòng GD&ĐT huyện Yên Mô, Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình. Tập thể cán bộ giáo viên và Ban lãnh đạo nhà trường đoàn kết thống nhất, năng động nhiệt tình, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, trong dạy học khá tốt. HS ngoan ngoãn, chăm học và có thể chất tốt.

Năm học 2023 - 2024, Trường Tiểu học Yên Nhân có 192 HS khối 3, với 6 lớp là 3A, 3B, 3C, 3D, 3E, 3G.

2.2. Tổ chức khảo sát.

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân thông qua dạy học môn Đạo đức, chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*, môn Đạo đức, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS lớp 3.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Nhận thức của GV về sự cần thiết phải giáo dục HVGTCVH cho HS.
- Nhận thức của HS lớp 3 về HVGTCVH
- Tìm hiểu thực trạng giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, nguyên nhân ảnh hưởng.
- Hiệu quả giáo dục HVGTCVH thông qua môn Đạo đức.

2.2.3. Cách thức, thời gian tiến hành khảo sát

Bước 1: Tiến hành khảo sát

- Gửi phiếu khảo sát tới giáo viên.
- Quan sát quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 của giáo viên tổ chức hoạt động.
- Tiến hành trao đổi ý kiến với giáo viên tổ chức hoạt động giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung khảo sát, đồng thời xác định nguyên nhân của thực trạng.
- Đánh giá mức độ thực hiện giáo dục HVGTCVH ở HS lớp 3 (các hoạt động của giáo viên và kết quả trên HS).

Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát.

Bước 3: Phân tích thực trạng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng.

Thời gian khảo sát thực trạng tiến hành từ tháng 3/2024 đến tháng 5/2024.

2.2.4. Tiêu chí và thang đánh giá

2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá

Giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học được hiểu là một quá trình, dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, thông qua các hoạt động giáo dục, các môn học và sinh hoạt hàng ngày, giúp cho HS có hiểu biết (nhận thức) về các vấn đề

liên quan đến HVGTCVH. Trên cơ sở đó, hình thành thái độ đúng đắn, vận dụng kiến thức để thực hiện và hình thành thói quen hành vi phù hợp với các chuẩn mực giao tiếp do xã hội quy định nhằm giải quyết hiệu quả các mối quan hệ trong giao tiếp.

Trong phạm vi nghiên cứu thực trạng giáo dục HVGTCVH thông qua chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*, tiêu chí đánh giá được cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1: Nhận thức của HS về bất hòa với bạn bè.
- Tiêu chí 2: Thái độ của HS về các tình huống bất hòa với bạn bè.
- Tiêu chí 3: Biểu hiện phản ứng hành vi của HS khi gặp tình huống bất hòa với bạn bè.

Tiêu chí 1: Nhận thức

- **Mức độ Cao** (từ 2-4 điểm): HS nhận thức được:
 - + Các biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè (từ 2 biểu hiện trở lên).
 - + Những tình huống bất hòa với bạn bè cần được trợ giúp (từ 2 tình huống trở lên).
 - + Cách xử lý các tình huống bất hòa với bạn bè (kể từ 2 cách xử lý trở lên).
- **Mức độ Trung bình** (1 đến dưới 2 điểm): HS nhận thức được:
 - + Các biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè (kể từ 1 biểu hiện trở lên).
 - + Những tình huống bất hòa với bạn bè cần được trợ giúp (kể được 1 tình huống).
 - + Cách xử lý các tình huống bất hòa với bạn bè (kể từ 1 cách xử lý).
- **Mức độ Thấp** (dưới 1 điểm): HS nêu được câu trả lời về biểu hiện bất hòa với bạn bè, tình huống gây bất hòa với bạn bè, cần có sự gợi ý (1-2/4 ý hỏi).

Tiêu chí 2: Thái độ

- **Mức độ tích cực** (2-4 điểm): HS có thái độ tích cực trong tìm hiểu để nhận diện và xử lý được các tình huống gây bất hòa với bạn bè.
 - + Tỏ thái độ phù hợp khi xử lý bất hòa với bạn bè.
 - + Bày tỏ thái độ không đồng tình với người thực hiện hành động gây ra bất hòa.

- **Mức độ bình thường** (1 đến dưới 2 điểm): HS có thái độ phù hợp với việc xử lý bất hòa với bạn bè:

+ Tỏ thái độ phù hợp khi xử lý bất hòa với bạn bè, đôi khi cần sự gợi ý của người xung quanh.

+ Bày tỏ thái độ không đồng tình với người thực hiện hành động gây bất hòa.

- **Mức độ chưa tích cực/chưa đúng/chưa phù hợp** (dưới 1 điểm): HS thể hiện thái độ về xử lý bất hòa với bạn bè chậm chạp, cười đùa hoặc vô cảm khi nghe, nhìn, xem các tình huống gây bất hòa với bạn bè.

Tiêu chí 3: Phản ứng hành vi của HS khi gặp tình huống bất hòa với bạn bè

- **Mức độ cao** (Thuần thực, linh hoạt): (2-4 điểm):

HS thể hiện được các cách xử lý tình huống bất hòa với bạn bè (trong tình huống giả định):

+ Có hành động đúng: Bình tĩnh khi có bất hòa với bạn, tìm hiểu nguyên nhân gây bất hòa, nói chuyện với bạn, bình tĩnh lắng nghe, không chen ngang, cắt lời....

+ Nhờ sự giúp đỡ của bạn bè, thầy cô để giải quyết mâu thuẫn.

+ Giúp bạn bè giải quyết mâu thuẫn, nhắc nhở bạn bè để hạn chế xảy ra mâu thuẫn.

- **Mức độ trung bình** (Biết thực hiện đúng): (1- < 2 điểm)

HS thể hiện được các cách xử lý tình huống bất hòa với bạn bè, đôi khi vẫn cần giáo viên, người lớn hướng dẫn:

+ Có hành động đúng: Bình tĩnh khi có bất hòa với bạn, tìm hiểu nguyên nhân gây bất hòa, nói chuyện với bạn, bình tĩnh lắng nghe,....

+ Nhờ sự giúp đỡ của bạn bè, thầy cô để giải quyết mâu thuẫn.

- **Mức độ thấp** (Biết thực hiện nhưng còn lúng túng): (dưới 1 điểm): HS thể hiện được 1 cách xử lý bất hòa với bạn bè phù hợp.

+ Lúng túng khi gặp phải tình huống bất hòa với bạn bè hoặc không xử lý được tình huống bất hòa với bạn bè, gặp khó khăn trong việc giữ bình tĩnh.

+ Rơi vào thế bị động.

2.2.4.2. Thang đánh giá

Mỗi tiêu chí đánh giá mức độ phát triển kĩ năng nhận thức, thái độ, hành vi của HS về HVGTCVH theo 3 mức độ.

Tổ chức đánh giá HS:

- Xây dựng tình huống liên quan đến hành vi giao tiếp có văn hóa (trong chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*) để khảo sát:

- + Khả năng nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè
- + Nhận biết được cách xử lý khi có bất hòa với bạn bè
- + Thể hiện được một số cách xử lý khi có bất hòa với bạn bè

- Các bài tập tình huống có tính chất điển hình được tiến hành với một số HS, sau khi HS đã được giáo dục HVGTCVH qua các hoạt động theo chương trình. Người nghiên cứu đưa ra các yêu cầu, các câu hỏi để HS trả lời. Trong những trường hợp cần thiết người nghiên cứu nhắc lại yêu cầu mà không gợi ý, giải thích gì thêm. Trong lúc HS thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi, người đó ghi chép thông tin phản hồi hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ vào phiếu đánh giá.

Bảng 2.1. Thang đánh giá hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3

Các mặt đánh giá Mức độ	Nhận thức (điểm)	Thái độ (điểm)	Hành vi (điểm)	Đánh giá chung (điểm)
Cao/Tích cực/Thuần thực	2 - 4	2 - 4	2 - 4	6 - 12
Trung bình/bình thường/Biết thực hiện	1 - <2	1 - <2	1 - <2	3 - <6
Thấp/chưa tích cực/Biết thực hiện nhưng còn lúng túng	< 1	< 1	< 1	< 3

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết cần phải giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

Chúng tôi tìm hiểu vấn đề này ở giáo viên kết quả như sau: có 27 GV (90%) trong tổng số giáo viên được khảo sát cho rằng việc giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học là rất cần thiết; có 3 GV (10%) giáo viên cho rằng cần thiết. Như vậy 100% giáo viên đánh việc giáo dục HVGTCVH là cần thiết đối với HS, đánh giá này hoàn toàn phù hợp về mặt lý luận và thực tế. Quá trình hình thành và phát triển cá nhân có rất nhiều yếu tố chi phối, trong đó, yếu tố thể chất (bẩm sinh - di truyền) luôn giữ vai trò tiền đề, cơ sở cho sự phát triển; yếu tố môi trường là điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân. Do đó, HS cần được giáo dục những kỹ năng sống nói chung, kỹ năng giao tiếp nói riêng trong đó chú trọng giáo dục hình thành HVGTCVH cho HS để nâng cao hiệu quả giao tiếp, hoạt động.

Đối với trường Tiểu học, với chức năng, nhiệm vụ giáo dục HS lứa tuổi tiểu học, có thể coi việc giáo dục HVGTCVH là một trong những nhiệm vụ cấp thiết: trang bị cho HS có hiểu biết (nhận thức) về các vấn đề liên quan đến HVGTCVH, từ đó hình thành thái độ đúng đắn, thói quen hành vi giao tiếp, ứng xử phù hợp với các chuẩn mực giao tiếp do xã hội quy định. Mặt khác, thời gian HS sinh hoạt, vui chơi, học tập,... ở trường chiếm khoảng trên 60% thời gian HS hoạt động trường lớp có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của cá nhân HS nếu được giáo dục HVGTCVH hình kỹ năng giao tiếp, ứng xử và các kỹ năng nền tảng khác giúp cá nhân phát triển.

2.3.2. Thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân

2.3.2.1. Các môn học và các hoạt động giáo dục tích hợp nội dung giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

Để nghiên cứu thực trạng giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân, chúng tôi đã tiến hành quan sát 4 giờ học/mỗi lớp ở môn Đạo đức chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè, chúng tôi sử dụng phiếu khảo sát giáo viên và HS để tìm hiểu về thực trạng tổ chức giáo dục HVGTCVH (chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*) cho HS của giáo viên và kết quả quá trình giáo dục này thể hiện ở HS.

Chúng tôi tìm hiểu các môn học và các động giáo dục có nội dung giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.2. Các môn học/ hoạt động giáo dục giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh Trường Tiểu học Yên Nhân

STT	Môn học/Hoạt động	Mức độ				
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ	TBC	Thứ bậc
1	Tự nhiên và xã hội	8	22	0	2,27	5
2	Tiếng Việt	8	22	0	2,27	5
3	Đạo đức	30	0	0	3,00	1
4	Toán	0	17	13	1,57	10
5	Âm nhạc	0	23	7	1,77	8
6	Mĩ thuật	0	23	7	1,77	8
7	Tin học	0	17	13	1,57	10
8	Công nghệ	1	26	3	1,93	7
9	Hoạt động trải nghiệm	28	2	0	2,93	3
10	Giáo dục kỹ năng sống	30	0	0	3,00	1
11	Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	25	5	0	2,83	4

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Thường xuyên: 3 điểm

Đôi khi: 2 điểm

Không bao giờ: 1 điểm

Giáo dục kỹ năng sống nói chung và giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học nói riêng được tổ chức thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống và các môn học trong đó điển hình là môn Đạo đức trong chương trình tiểu học (Điểm TB là 3,00; xếp thứ nhất). Ở đây, các em được tiếp cận nội dung qua các tình huống, các câu chuyện, đoạn phim hoặc các hành động của nhân vật, qua đó các em có hiểu

biết, nhận diện về vai trò, ý nghĩa của việc cần thiết hình thành kỹ năng, dấu hiệu và cách thức xử lý tình huống, các em được thảo luận, trao đổi, tiếp cận nội dung qua nhiều hình thức phong phú như thảo luận, trò chơi, câu đố, đóng kịch, nhập vai,... Mặt khác, trong giờ giáo dục kỹ năng sống các em còn được luyện tập, thực hành trong các tình huống giả định, từ đó bước đầu củng cố kiến thức, hình thành thái độ phù hợp và kỹ năng tương ứng. Đối với chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* ở môn Đạo đức, các em nhận diện qua tình huống, câu hỏi, thực hành giả định từ đó có hiểu biết nhận định về tình huống gây bất hòa với bạn bè, hình thành thái độ bình tĩnh, tìm hiểu nguyên nhân gây bất hòa với bạn bè, lắng nghe và nói chuyện với bạn,...

Bên cạnh đó, việc giáo dục HVGTCVH còn được thực hiện trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hàng năm nhà trường có tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề trong đó có các nội dung giáo dục về kỹ năng sống, tạo môi trường cơ hội cho HS củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống và xử lý vấn đề. Các nội dung giáo dục kỹ năng sống theo chủ đề cũng được thực hiện trong các hoạt động trải nghiệm với thời lượng 3 tiết/tuần ở 3 hình thức (sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề với quy mô lớp học và sinh hoạt lớp). Ngoài ra, môn Tự nhiên và xã hội, Tiếng Việt, Toán, Âm nhạc, Mỹ Thuật, Tin học và Công nghệ đôi khi cũng có tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống trong đó có hành vi giao tiếp có văn hóa tuy nhiên, việc tích hợp phụ thuộc vào bản thân mỗi giáo viên khi giảng dạy.

Chúng tôi trao đổi trực tiếp với GV về quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống nói chung và giáo dục HVGTCVH nói riêng nhận thấy thời lượng dành cho giáo dục kỹ năng là không nhiều. Để đảm bảo thời gian, nội dung bài học, giáo viên tổ chức, hướng dẫn HS trên lớp chủ yếu mới giúp HS nhận diện, có kiến thức cơ bản về xử lý tình huống gây bất hòa với bạn bè, từ đó bước đầu hình thành thái độ bình tĩnh, lắng nghe và nói chuyện với bạn. Việc rèn tập để hình thành kỹ năng còn hạn chế vì sĩ số HS đông, chủ yếu thực hành trong tình huống giả định và các tình huống điển hình, số lượt HS được thực hành là chưa nhiều. Do đó, một số giáo viên sử dụng cách thức kết nối với phụ huynh để phụ huynh

hỗ trợ con em rèn tập tại nhà, quay hoặc chụp lại hình ảnh (sản phẩm) gửi giáo viên chia sẻ trước lớp vào buổi học tiếp theo.

Chúng tôi nghiên cứu kế hoạch bài dạy môn Đạo đức ở lớp 3:

- Nội dung Chương trình môn Đạo đức lớp 3 sách Kết nối tri thức với cuộc sống được xây dựng cho 35 tuần, tương đương 35 tiết (1 tiết/tuần). Trong 35 tuần sẽ thực hiện 8 chủ đề giáo dục cơ bản; hoạt động trải nghiệm môn học và các hoạt động kiểm tra, đánh giá sự phát triển về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Đạo đức. Một số phương pháp, hình thức chính thường được sử dụng khi dạy Đạo đức là: kể chuyện, thảo luận nhóm, tập luyện hành vi theo mẫu, tổ chức trò chơi, đóng vai,...

Các nội dung được xây dựng dựa vào 3 mạch giáo dục với 8 chủ đề:

Các mạch giáo dục	Nội dung giáo dục	Các chủ đề
Giáo dục đạo đức	Yêu nước	Em yêu Tổ quốc Việt Nam
	Nhân ái	Quan tâm đến hàng xóm láng giềng
	Chăm chỉ	Ham học hỏi
	Trung thực	Giữ lời hứa
	Trách nhiệm	Tích cực hoàn thành nhiệm vụ
Giáo dục kỹ năng sống	Kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân	Khám phá bản thân
	Kỹ năng tự bảo vệ	Xử lý bất hòa với bạn bè
Giáo dục pháp luật	Chuẩn mực hành vi pháp luật	Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông

Chúng tôi nghiên cứu 4 tiết dạy Chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* ở Bài 8: *Xử lý bất hòa với bạn bè* được của GV với các nội dung sau:

	Tuần	Tiết	Nội dung
Bài 8: Xử lý bất hòa với bạn bè	27	1	- Tìm hiểu một số biểu hiện bất hòa với bạn bè. - Tìm hiểu ý nghĩa của giải quyết bất hòa với bạn bè. - Vận dụng kiến thức để thể hiện các hành vi, việc làm đúng khi xảy ra bất hòa.
	28	2	- Tìm hiểu cách xử lý bất hòa với bạn bè. - Hiểu được ý nghĩa khi giúp bạn bè xử lý bất hòa. - Chia sẻ việc đã làm để xử lý bất hòa với bạn bè.
	29	3	- Thực hành xử lý tình huống bằng một số cách đơn giản, phù hợp.
	30	4	- Xử lý bất hòa với bạn bè bằng những lời nói, việc làm phù hợp. - củng cố, khắc sâu các kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống.

Sau khi tìm hiểu KHBD, chúng tôi nhận thấy có tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HS, các nội dung liên quan đến giáo dục hành vi giao tiếp, HVGTCVH, xác định được mục tiêu/yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức nhằm giúp HS nhận diện và cách xử lý tình huống bất hòa xảy ra với bạn bè. GV đã sử dụng hệ thống học liệu, kết hợp các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phù hợp.

Nhìn chung, Kế hoạch bài dạy của GV đã xác định đúng, đủ mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đã có các hoạt động phù hợp, giúp HS đạt được các phẩm chất và năng lực cần có trong giáo dục HVGTCVH.

2.3.2.2. Nhận thức của giáo viên về các điều kiện cần có để giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

Chúng tôi tìm hiểu nhận thức của GV thông qua khảo sát về các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, kết quả như sau:

**Bảng 2.3. Các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục hành vi giao tiếp
có văn hóa cho học sinh Trường Tiểu học Yên Nhân**

TT	Điều kiện	SL	Tỉ lệ (%)
1	Chương trình	20	66.7
2	Sách giáo khoa, hệ thống học liệu	22	73.3
3	Đội ngũ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng	30	100.0
4	Cơ sở vật chất phục vụ học tập	7	23.3
5	Môi trường cho HS thực hành	30	100.0
6	Sự phối hợp các lực lượng giáo dục	17	56.7
7	Tính tích cực của HS	30	100.0

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy 100% GV cho rằng đội ngũ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng, môi trường cho HS thực hành và tính tích cực của HS là điều kiện cần có để thực hiện giáo dục HVGTCVH cho HS (tỷ lệ lựa chọn đánh giá là 100%); tiếp theo là sách giáo khoa, hệ thống học liệu (73.3%); chương trình (66.7%); sự phối hợp các lực lượng giáo dục (56.7%) và cơ sở vật chất phục vụ học tập (23.3%).

Người giáo viên có vai trò quyết định đối với quá trình dạy, học và giáo dục HS. Thông qua các hoạt động giảng dạy và giáo dục góp phần cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết và bước đầu hướng dẫn HS rèn luyện HVGTCVH. Đồng thời, giáo viên là người có ảnh hưởng rất lớn đối với quá trình hình thành nhân cách thế hệ HS, luôn là tấm gương để HS học tập, noi theo về mọi mặt (ngôn ngữ, hành vi,...). Vì vậy việc đội ngũ giáo viên phải được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn là một điều kiện cần thiết để giáo dục HS nói chung, giáo dục HVGTCVH nói riêng.

Việc giáo dục cho HS còn được thực hiện qua các hoạt động thực hành vì thế nên môi trường cho HS thực hành rất cần thiết. Môi trường thực hành đảm

bảo cho HS thực hiện được các nhiệm vụ do giáo viên tổ chức (thực hành giả định, nhập vai, ứng xử, giải quyết tình huống,...).

Học tập là một quá trình nhận thức đặc biệt, trong đó người học đóng vai trò chủ thể. Hiệu quả học tập của HS chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó, tính tích cực học tập đóng vai trò quyết định. Để nâng cao hiệu quả học tập, rèn luyện bản thân người học cần phải có sự nỗ lực, tích cực chủ động. Tính tích cực của HS có vai trò rất quan trọng trong việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng mà giáo viên truyền đạt cũng như có hứng thú với môn học/hoạt động. Mặt khác tính tích cực của HS còn giúp HS nắm vững, hiểu sâu kiến thức, luôn luôn củng cố và phát triển cách học của mình, dần hình thành những phẩm chất đạo đức cá nhân như tính kiên trì, tinh thần trách nhiệm và ý thức tập thể,... Khi HS tham gia các hoạt động giáo dục theo chủ đề (chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*), tính tích cực của HS giúp các em nhận diện, khám phá, tìm hiểu, thực hiện được những kỹ năng như: Kỹ năng giải quyết tình huống, xử lý các tình huống bất hòa với bạn bè, hình thành hành động đúng đắn, bình tĩnh khi có bất hòa với bạn bè, tìm hiểu nguyên nhân gây bất hòa, lắng nghe và nói chuyện với bạn,....

Sách giáo khoa, hệ thống học liệu là một trong những điều kiện cần có để thực hiện giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS. Sách giáo khoa, hệ thống học liệu là nguồn tài nguyên hữu ích cho cả giáo viên với tư cách là người giảng dạy và HS tiếp thu kiến thức.

Bên cạnh đó, giáo viên cho rằng chương trình học cũng là một điều kiện cần có để thực hiện giáo dục cho HS. Chương trình học được hệ thống đầy đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho HS, tuy nhiên giáo viên có vận dụng để đảm bảo thực hiện mục tiêu, nội dung, tiến trình và đạt hiệu quả.

Sự phối hợp các lực lượng giáo dục cũng là một trong những điều kiện cần có để thực hiện giáo dục cho HS. Để giúp HS thực hiện được các kỹ năng và những kiến thức cơ bản thì cần phải có sự hướng dẫn của những người chuyên môn hay tổ chức được những buổi rèn luyện kỹ năng cần phải có sự phối hợp giữa những lực lượng giáo dục khác. Ngoài thời gian HS được học tập, rèn luyện ở trường, việc được hỗ trợ rèn tập ở nhà giúp củng cố, duy trì hành vi tốt ở HS.

2.3.2.3. Các hình thức, phương pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân

Chúng tôi đã tìm hiểu các hình thức, phương pháp giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 ở Trường Tiểu học Yên Nhân, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.4. Các hình thức, phương pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân

TT	Mức độ Hình thức	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ	TBC	Thứ bậc
1	Phương pháp kể chuyện	30	0	0	3.00	1
2	Phương pháp đàm thoại	24	6	0	2.80	3
3	Phương pháp giảng giải	22	8	0	2.73	4
4	Phương pháp thảo luận nhóm	27	3	0	2.90	2
5	Phương pháp tổ chức làm việc cá nhân	19	11	0	2.63	5
6	Phương pháp luyện tập theo mẫu hành vi	19	11	0	2.63	5
7	Phương pháp tổ chức trò chơi	8	22	0	2.27	9
8	Đóng vai/ Sắm vai	9	21	0	2.30	8
9	Hoạt động câu lạc bộ	5	25	0	2.17	10
10	Hội thi/ Cuộc thi	3	27	0	2.10	11
11	Sinh hoạt tập thể (múa, hát)	11	19	0	2.37	7

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:
 Thường xuyên: 3 điểm
 Đôi khi: 2 điểm
 Không bao giờ: 1 điểm

Kết quả thu được cho thấy: giáo viên đã sử dụng khá nhiều các phương pháp, hình thức giáo dục khác nhau nhằm giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức giáo viên vẫn chưa phát huy hết tác dụng của các hình thức đó, chưa thực sự biết sử dụng phối hợp linh hoạt các hình thức khác nhau nhằm phát huy tối đa hiệu quả của mỗi hình thức. Cụ thể:

Phương pháp kể chuyện (điểm trung bình 3.0): có 30 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này. Qua các tiết học, chúng tôi nhận thấy rằng phương pháp kể chuyện tạo bầu không khí sôi nổi trong giờ học, giúp HS dễ dàng rút ra

được kết luận đúng đắn, những cách ứng xử phù hợp và tự rút ra bài học về đạo đức. Đây là phương pháp được GV sử dụng nhiều nhất trong giờ dạy và đem lại hiệu quả khá cao. GV kể cho HS những câu chuyện về tình bạn và cách giải quyết xung đột. HS sẽ được phân tích nhân vật và hành động của nhân vật. Từ đó HS sẽ rút ra bài học đạo đức về cách xử lí tình huống bất hòa.

Phương pháp đàm thoại được sử dụng nhiều (điểm trung bình 2.8), thông qua quá trình hỏi - đáp giữa giáo viên và HS làm sáng tỏ nội dung bài học hoặc rút ra những kết luận cần thiết. Kết quả điều tra cho thấy: có 24 giáo viên cho rằng thường xuyên sử dụng phương pháp đàm thoại trong quá trình tổ chức giáo dục cho HS lớp 3 và có 6 giáo viên trả lời đôi khi sử dụng đến phương pháp này. Chúng tôi nhận thấy rằng khi sử dụng hình thức này giáo viên cần đưa ra câu hỏi tập trung khai thác những khía cạnh đạo đức, tránh biến bài đạo đức thành bài giảng văn. Phương pháp này được GV sử dụng nhiều trong giờ học môn Đạo đức (chủ đề *Xử lí bất hòa với bạn bè*) nhưng lại chưa phải phương pháp tối ưu trong giáo dục HVGTCVH.

Phương pháp giảng giải được sử dụng nhiều (điểm trung bình 2.73), giáo viên dùng lời nói để trình bày, giải thích nội dung chủ đề bài học giáo dục cho HS: Có 22 giáo viên cho rằng thường xuyên sử dụng phương pháp giảng giải và 8 giáo viên trả lời đôi khi sử dụng đến phương pháp này. Ở phương pháp giảng giải, giáo viên cần đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức, tránh lạm dụng phương pháp giảng giải mà chỉ nên sử dụng trong những chuẩn mực hành vi trừu tượng phù hợp với việc giáo dục cho HS tiểu học. Trong giờ học, GV cần lưu ý trong việc sử dụng, tránh lạm dụng phương pháp này.

Phương pháp thảo luận nhóm (điểm trung bình 2.9): Qua phiếu điều tra có 27 giáo viên thường xuyên sử dụng phương pháp này và 3 giáo viên trả lời đôi khi sử dụng đến phương pháp thảo luận nhóm. Qua các tiết học, chúng tôi nhận thấy giáo viên tạo điều kiện cho mọi HS tự do bày tỏ ý kiến, tranh luận với nhau, chia sẻ kinh nghiệm về chủ đề, tìm ra cách giải quyết khi có bất hòa với bạn bè. HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, quá trình giáo dục, cùng nhau hợp tác hiểu biết lẫn nhau và giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động.

Qua quan sát tiết học, chúng tôi nhận thấy phương pháp thảo luận nhóm giúp HS phát huy tính tích cực trong học tập. Các em tích cực trao đổi, thảo luận và hợp tác để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.

Phương pháp tổ chức làm việc cá nhân và phương pháp luyện tập theo mẫu hành vi được sử dụng khá nhiều (điểm trung bình 2.63): dưới sự hướng dẫn của giáo viên, HS lặp đi lặp lại nhiều lần những hành động cụ thể trong những hoàn cảnh khác nhau, nhằm hình thành và phát triển cho HS những kỹ năng, hành vi cần thiết: có 19 giáo viên thường xuyên sử dụng phương pháp này, 11 giáo viên đôi khi sử dụng hình thức này và không có giáo viên nào không bao giờ sử dụng phương pháp tổ chức làm việc cá nhân và phương pháp luyện tập theo mẫu hành vi trong quá trình giáo dục cho HS lớp 3. Ở 2 phương pháp này, khi thực hiện hình thức này GV cần tạo điều kiện cho mọi HS trong lớp đều được tập luyện phù hợp với việc giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS.

Phương pháp tổ chức trò chơi (điểm trung bình 2.27), giáo viên tổ chức cho người học tham gia một trò chơi, thông qua đó giúp HS được tìm hiểu về HVGTCVH làm cho việc học tập của HS trở nên nhẹ nhàng, sinh động, lôi cuốn HS vào quá trình hoạt động một cách tự nhiên, hứng thú, có tinh thần trách nhiệm, giảm thiểu sự căng thẳng, mệt mỏi: có 8 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này, có 22 giáo viên đôi khi mới sử dụng hình thức trò chơi, bởi các đồ dùng dành cho trò chơi còn thiếu thốn. Tuy nhiên, qua các buổi hoạt động tôi nhận thấy rằng các trò chơi được sử dụng rất linh hoạt làm cho không khí lớp học trở nên sôi động, các em HS hứng thú trong học tập hơn. Qua phương pháp tổ chức trò chơi HS thực hiện được những thao tác hành động đạo đức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên và thoải mái. Qua quan sát, mặc dù hiệu quả đem lại cao và gây hứng thú học tập cho HS nhưng khi tổ chức trò chơi GV cần đảm bảo sự công bằng cho HS.

Phương pháp đóng vai/ sắm vai (điểm trung bình 2.3): Qua phiếu điều tra có 9 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này và 21 giáo viên đôi khi mới sử dụng phương pháp đóng vai. Việc sử dụng phương pháp đóng vai/ sắm vai tạo các tình huống trong giáo dục cho HS nhằm giúp HS mô phỏng lại các hành

động hoặc các biện pháp xử lý khi có tình huống bất hòa với bạn bè, được thực hành “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Tuy nhiên, qua điều tra chúng tôi thấy một số ít giáo viên sử dụng hình thức này trong dạy học và còn rất nhiều giáo viên chưa thường xuyên áp dụng phương pháp đóng vai/ sắm vai trong dạy học. Chính vì vậy HS chưa có cơ hội trải nghiệm trong các vai diễn khác nhau. Trong giờ học môn Đạo đức (chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*) GV đã tạo ra bầu không khí sôi nổi, HS hứng thú, tích cực đóng vai và xử lý các tình huống.

Hình thức hoạt động câu lạc bộ được sử dụng khá ít (2.17): Thực tế cho thấy, ở trường Tiểu học có câu lạc bộ, nhưng hầu các buổi hoạt động câu lạc bộ ít được phổ biến nên HS chưa được tham gia nhiều vào các câu lạc bộ này.

Hình thức hội thi/cuộc thi và hình thức sinh hoạt tập thể (múa, hát): Chỉ có 3 giáo viên thường xuyên sử dụng nhưng hình thức sinh hoạt tập thể có tới 11 giáo viên thường xuyên sử dụng hình thức này, qua đó cho thấy hình thức hội thi/cuộc thi thường sẽ là quy mô tổ chức lớn hơn và cần đầu tư nhiều thời gian hơn, cũng chính vì vậy mà HS chưa có nhiều cơ hội tham gia các cuộc thi trong khi học các kỹ năng ở Tiểu học.

2.3.2.4. *Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3 ở Trường Tiểu học Yên Nhân*

Để làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, chúng tôi khảo sát các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, kết quả thu được ở bảng sau:

Bảng 2.5. Các biện pháp gây hứng thú trong giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân

STT	Mức độ sử dụng Các biện pháp	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ	TB C	Thứ bậc
1	Tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ	28	2	0	2.93	3
2	Sử dụng học cụ trực quan: tranh ảnh, sách giáo khoa, video, phim minh họa, ...	26	4	0	2.87	5
3	Sử dụng sân khấu hóa hoặc tổ chức cho HS sắm vai	3	19	8	1.83	9

4	Sử dụng các trò chơi	4	26	0	2.13	8
5	Khai thác kinh nghiệm đã có của HS	8	22	0	2.27	7
6	Tạo các tình huống có vấn đề kích thích HS tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành	9	21	0	2.30	6
7	Phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động linh hoạt	27	3	0	2.90	4
8	Tổ chức cho HS tự nhận xét và nhận xét bạn trong các hoạt động	29	1	0	2.97	1
9	Khích lệ, động viên HS	29	1	0	2.97	1

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Thường xuyên: 3 điểm

Đôi khi: 2 điểm

Hiếm khi: 1 điểm

Với kết quả thu được, chúng tôi nhận thấy biện pháp mà GV thường xuyên sử dụng nhất để tạo hứng thú cho HS là: “*Tổ chức cho HS tự nhận xét và nhận xét bạn trong các hoạt động*” và “*Khích lệ, động viên HS*” với (điểm trung bình 2.97). Qua việc phỏng vấn GV về các biện pháp thường sử dụng để tạo hứng thú cho HS trong các hoạt động giáo dục, hầu hết GV đều cho rằng việc tổ chức cho HS tự nhận xét và nhận xét bạn sẽ giúp các em có được hứng thú trong hoạt động. Để tạo được hứng thú cho người học trong hoạt động giáo dục, HS phải là người được trực tiếp nhận xét hành vi, hành động của mình, biết được khả năng của mình đến đâu và cũng được nhận xét những hành vi, hành động của bạn, từ đó rút ra được những kiến thức, kinh nghiệm cho bản thân. Ngoài ra, việc nhận xét cũng giúp GV thu được thông tin ngược từ HS, biết được khả năng, kiến thức mà các em có được, giúp GV kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học, hình thức tổ chức sao cho phù hợp.

Không chỉ bằng hoạt động nhận xét, việc GV thường xuyên “*Khích lệ, động viên HS*” cũng giúp các em có được hứng thú để tham gia các hoạt động.

Những lời động viên, khích lệ kịp thời, đúng lúc sẽ làm tinh thần của các em được thoải mái, vui vẻ, tự tin và tích cực tham gia các hoạt động hơn. Biện pháp này đơn giản nhưng có tác động mạnh mẽ trong việc tạo hứng thú cho HS trong hoạt động giáo dục cho HS. Tuy nhiên GV cần lưu ý khen ngợi, động viên HS đúng mức, không quá ít dẫn đến việc các em mất tự tin hay quá nhiều khiến các em đánh giá sai khả năng của bản thân. Việc sử dụng biện pháp này cần được kết hợp với việc sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức khác nhau để tránh gây nhàm chán cho HS.

Xếp vị trí thứ 3 là biện pháp *“Tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ”* (điểm trung bình 2.93). Không chỉ riêng ở hoạt động giáo dục này, mà mỗi hoạt động khác nhau, việc tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ cho HS trước khi vào hoạt động chính là vô cùng quan trọng. GV thường tổ chức cho HS hát hay chơi trò chơi liên quan đến chủ đề của hoạt động, từ đó kích thích HS giúp các em có tâm thế vui vẻ, tích cực tham gia hoạt động chính, ngoài ra còn giúp GV kết nối vào bài học.

Tiếp đến là biện pháp *“Phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động linh hoạt”* (điểm trung bình 2.9) cũng được GV sử dụng khá thường xuyên. Việc chỉ sử dụng một phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động sẽ khiến HS dễ chán nản, không tập trung vào hoạt động học, từ đó là giảm hiệu quả của hoạt động giáo dục. Vì vậy, giáo viên cần phải phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đa dạng, linh hoạt và phù hợp, góp phần phát triển năng lực của HS trong giáo dục.

Biện pháp *“Sử dụng học cụ trực quan: tranh ảnh, sách giáo khoa, video, phim minh họa, ...”* (điểm trung bình 2.87) là biện pháp quan trọng không thể thiếu. Với HS tiểu học tư duy trực quan là chủ yếu, việc các em được tiếp xúc với các dụng cụ trực quan giúp hoạt động học của các em dễ dàng hơn. Các tranh ảnh, video, phim minh họa được GV sử dụng có nội dung là các tình huống bất hòa với bạn bè, ... giúp các em tiếp cận với các tình huống từ thực tiễn, từ đó HS sẽ hình thành được những kỹ năng để xử lý bất hòa với bạn bè.

Biện pháp *“Tạo các tình huống có vấn đề kích thích HS tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành”* (điểm trung bình 2.30) được GV sử dụng nhưng chưa thường xuyên. Đã có những GV sử dụng biện pháp này nhưng còn chưa đạt được hiệu quả cao, vẫn còn những hạn chế trong quá trình sử dụng. Các tình huống tạo ra chưa kích thích được HS, chưa được sử dụng phối kết hợp với các phương pháp, hình thức tổ chức linh hoạt hoặc các tình huống đã quá quen thuộc khiến các em dễ chán nản. Do vậy, giáo viên cần nâng cao năng lực chuyên môn, học hỏi kinh nghiệm để tổ chức dạy học bằng biện pháp *“Tạo các tình huống có vấn đề kích thích HS tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành”*, bởi đây là biện pháp hữu ích trong việc phát triển tư duy, sự sáng tạo ở HS.

Đối với hoạt động giáo dục cho HS, việc sử dụng biện pháp *“Khai thác kinh nghiệm đã có của HS”* đã được sử dụng nhưng vẫn còn bị hạn chế (điểm trung bình 2.27). GV chưa nhận thức rõ được những giá trị to lớn mà biện pháp này mang lại, như khai thác kinh nghiệm đã có sẽ trực tiếp tác động đến sự hứng thú học tập của HS trong cả hoạt động, GV sẽ nắm được vốn hiểu biết của HS trước khi vào hoạt động dạy học. Biện pháp này còn được sử dụng hời hợt, chưa đạt được hiệu quả cao trong giáo dục HVGTCVH cho HS.

Biện pháp *“Sử dụng các trò chơi”* (điểm trung bình 2.13) xếp ở vị trí gần cuối, đã được các GV sử dụng nhưng tần suất không cao. Các trò chơi được tổ chức đôi khi chưa gây được hứng thú cho HS, còn nặng về kiến thức, nội dung khiến HS dễ nhàm chán, chưa tạo được không khí sôi nổi ở lớp học nên hiệu quả đạt được chưa cao. GV khi sử dụng các trò chơi còn chưa kết hợp được linh hoạt các phương pháp tổ chức khác nhau dẫn đến làm giảm tác dụng của trò chơi, không đạt được hiệu quả cao nhất trong khi trò chơi học tập là hình thức học tập thú vị, tích cực và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi HSTH. Đây là biện pháp khơi dậy được hứng thú học tập cho HS nhưng chưa được sử dụng thường xuyên.

Cuối cùng là biện pháp *“Sử dụng sân khấu hóa hoặc tổ chức cho HS sắm vai”* (điểm trung bình 1.83) có những GV chưa sử dụng biện pháp này bao giờ. Do

yêu cầu ở khâu chuẩn bị khá cao nên vẫn còn những GV chưa thực hiện biện pháp tích cực này. Khi chuẩn bị cho việc sử dụng biện pháp, GV phải tạo ra các tình huống phù hợp, đúng mục tiêu của hoạt động dạy cũng như lường trước các cách xử lý của HS để có thể giải quyết tình huống một cách tốt nhất. Ở hình thức này HS được trực tiếp trải nghiệm tình huống thực tiễn và giải quyết bằng hành vi, điều này sẽ giúp các em hứng thú học tập, hoạt động học cũng sẽ đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, do cần thiết phải dành nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị nên biện pháp này được sử dụng khá ít.

Thông qua trao đổi với GV, chúng tôi nhận thấy: GV đã sử dụng các nhóm biện pháp giáo dục tình cảm, tổ chức môi trường cho HS hoạt động, tổ chức cho HS thực hành và dụng các biện pháp đánh giá (tổ chức cho HS tự đánh giá, bạn đánh giá, khen ngợi hay nhắc nhở, uốn nắn,...)

2.3.3. Mức độ biểu hiện hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân

Cùng với việc tìm hiểu quá trình giáo dục HVGTCVH của giáo viên đối với HS lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân, chúng tôi tìm hiểu kết quả giáo dục biểu hiện ở HS qua đánh giá của 8 giáo viên đang trực tiếp giảng dạy và qua phỏng vấn, quan sát HS, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.6. Đánh giá của giáo viên về kết quả giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa ở HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân

TT	Biểu hiện	Mức độ			TBC
		1	2	3	
1	Nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè	4	4	0	2.50
2	Nhận biết được cách xử lý khi có bất hòa với bạn	4	4	0	2.50
3	Xử lý được bất hòa với bạn/thỏa hiệp	2	6	0	2.25
4	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học trong học tập, sinh hoạt	1	7	0	2.12
Trung bình					2.34

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1: Tốt/Cao/Thuần thực: 3 điểm;

Mức 2: Đạt/Trung bình/Biết thực hiện: 2 điểm;

Mức 3: Chưa đạt/Thấp/Biết thực hiện nhưng còn lúng túng: 1 điểm.

Với kết quả thu được từ đánh giá của giáo viên cho thấy kết quả của HS đều đạt mức Đạt/Trung bình trở lên. Trong học tập, rèn luyện HVGTCVH ở chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè, các em đã nhận diện được biểu hiện bất hòa, biết cách xử lý khi có bất hòa với bạn bè và bước đầu có những kỹ năng xử lý bất hòa với bạn bè (Điểm trung bình là 2.34).

Chúng tôi tìm hiểu quá trình học tập, rèn luyện HVGTCVH ở chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè và kết quả giáo dục đạt được ở HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân qua tự đánh giá của các em, qua quan sát và qua phỏng vấn, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.7. Đánh giá của giáo viên về mức độ tích cực trong học tập, rèn luyện hành vi giao tiếp có văn hóa của học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân

TT	Biểu hiện	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	TBC	Thứ bậc
1	Khả năng tập trung chú ý của HS trong hoạt động giáo dục	3	27	0	2,10	7
2	Sẵn sàng giải quyết được các nhiệm vụ học tập	11	19	0	2,37	3
3	Tích cực tham gia hoạt động	19	11	0	2,63	1
4	Thực hiện các hành vi/hoạt động theo hướng dẫn	19	11	0	2,63	1
5	Có khả năng hợp tác trong làm việc nhóm	11	19	0	2,37	3
6	Có khả năng vận dụng hiểu biết, kỹ năng trong giải quyết tình huống, nhiệm vụ theo yêu cầu của GV	7	23	0	2,23	5
7	Có khả năng sáng tạo trong giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV	7	23	0	2,23	5
Trung bình					2,37	

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1: Tốt/Cao: 3 điểm;

Mức 2: Đạt/Trung bình: 2 điểm;

Mức 3: Chưa đạt/Thấp: 1 điểm.

Kết quả trên cho thấy HS tích cực trong học tập, rèn luyện HVGTCVH (Điểm trung bình 2.37). Các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được GV xây dựng trong hoạt động này các em được xem các tranh ảnh, video minh họa, được thực hành trong tình huống giả định, được nhập vai, chia sẻ với bạn và thầy cô, giúp các em có cảm giác thoải mái, tích cực trong học tập.

Khi trao đổi với GV Trường Tiểu học Yên Nhân, các GV đều cho rằng qua quá trình tổ chức hoạt động giáo dục HVGTCVH ở trên lớp, hầu hết các em đều nhận biết được các dấu hiệu của bất hòa và các cách xử lý khi xảy ra bất hòa với bạn, bước đầu thực hiện được một số kỹ năng xử lý bất hòa với bạn bè.

Chúng tôi tìm hiểu về quá trình học tập, rèn luyện giáo dục HVGTCVH của HS lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân qua tự đánh giá của các em, qua quan sát và phỏng vấn kết quả thu được như sau:

Bảng 2.8. Tự đánh giá của học sinh

về thái độ của bản thân khi được giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
	Hình thức		
1	Rất vui (thích, hài lòng)	42	64.62
2	Bình thường	20	30.77
3	Không thích	2	3.08
4	Chán	1	1.54

Hầu hết HS đều thấy thích thú khi tham gia hoạt động giáo dục HVGTCVH, các em cảm thấy thoải mái, được chia sẻ, hoạt động nhóm, sắm vai,...và nhận xét các bạn. Qua quan sát giờ hoạt động, chúng tôi nhận thấy không khí lớp học rất sôi nổi, tích cực. GV tổ chức hoạt động khởi động gây

hứng thú, phối hợp linh hoạt các hình thức, phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp với nội dung, mục tiêu. GV kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan, khai thác học liệu, tổ chức cho HS tự nhận xét và nhận xét bạn, đồng thời, GV khích lệ, động viên HS đúng lúc.

Ngoài ra chúng tôi tham gia quan sát, dự giờ đánh giá tiết dạy của Chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè trong môn Đạo đức ở lớp 3C, 3D, Trường Tiểu học Yên Nhân chúng tôi nhận thấy tiết học diễn ra đúng kế hoạch, quy trình các khâu; GV và HS có sự tương tác tích cực với nhau thông qua các hoạt động dạy học. HS thích thú, hào hứng tham gia phát biểu xây dựng bài, cùng nhau giải quyết các tình huống khi có bất hoà với bạn bè, HS nêu được các biểu hiện của bất hoà và đề xuất được các giải pháp xử lý bất hoà với bạn bè và một số em được tham gia thể hiện kỹ năng trên lớp. HS dựa vào các nhận xét, rút ra được những bài học bổ ích. Đa số các em đều tham gia tích cực vào giờ dạy, tuy nhiên, vẫn còn một số em còn chưa tập trung vào bài, chưa tích cực thực hiện các nhiệm vụ hoặc gặp những khó khăn, lúng túng khi thực hành hoặc cảm giác chán nản. Nguyên nhân có thể là do các em còn nhút nhát, sĩ số HS đông, thời gian cho hoạt động hạn chế, GV chưa tổ chức cho tất cả HS trong lớp được tham gia vào các hoạt động thực hành. Các khâu được giáo viên vận dụng trong giáo dục HVGTCVH được thực hiện như sau:

Bảng 2.9. Các khâu giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

STT	Các khâu giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa	Mức độ				
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ	TBC	Thứ bậc
1	Xây dựng kế hoạch giáo dục (KHBD)	30	0	0	3,00	1
2	Giáo dục nhận thức, thái độ	27	3	0	2,90	2
3	Tổ chức cho HS quan sát mẫu hành vi	24	6	0	2,80	4
4	Tổ chức cho HS thực hiện theo mẫu	26	4	0	2,87	3
5	Tạo tình huống trong các hoạt	17	13	0	2,57	6

	động, trong sinh hoạt để HS thể hiện theo hướng dẫn của GV, của bạn					
6	Củng cố thường xuyên HVGTCVH trong các hoạt động học tập, giáo dục, hoạt động khác của HS	5	25	0	2,17	7
7	Đánh giá nhận thức, HVGTCVH của HS, khích lệ, động viên, uốn nắn, sửa chữa	22	8	0	2,73	5

Với kết quả trên, chúng tôi nhận thấy, khâu giáo dục được giáo viên sử dụng nhiều nhất là “*Xây dựng kế hoạch giáo dục*” (điểm trung bình 3.00). Trước khi tổ chức các hoạt động giáo dục HVGTCVH, việc giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp là vô cùng quan trọng và là điều kiện không thể thiếu được.. Việc xây dựng kế hoạch cẩn thận, đưa ra mục tiêu, các hoạt động giáo dục phù hợp cùng với các tình huống sẽ giúp việc giáo dục đạt được hiệu quả cao. Kế hoạch giáo dục giúp giáo viên kiểm soát được thời lượng của từng hoạt động, dự đoán được các hoạt động, câu trả lời của HS, ... Vì vậy, đây cũng là khâu được giáo viên sử dụng thường xuyên nhất.

Ở vị trí thứ 2 là khâu “*Giáo dục nhận thức, thái độ*” (điểm trung bình 2.90). Khâu này được 27 GV thường xuyên sử dụng và 3 GV đôi khi sử dụng. Để HS thực hiện được các HVGTCVH, việc đầu tiên HS phải làm đó chính là giáo dục nhận thức, thái độ cho HS. Khi có nhận thức, thái độ đúng đắn về các hành vi, HS mới có thể thực hiện được các HVGTCVH theo đúng chuẩn mực. Do đó, đây là khâu được đa số GV sử dụng thường xuyên.

Tiếp theo là khâu “*Tổ chức cho HS thực hiện theo mẫu*” (điểm trung bình 2.87). Trong quá trình dạy học môn Đạo đức, đặc biệt là giáo dục HVGTCVH, việc cho HS thực hiện theo mẫu là cách phổ biến để giúp HS có những nhận thức, hiểu biết đúng đắn về các HVGTCVH. Ở đây, mẫu có thể là những tình huống có sẵn trong sách giáo khoa, GV sưu tầm hoặc tự thực hiện mẫu hành vi.

Khi sử dụng mẫu, GV nên lưu ý tránh lạm dụng quá nhiều mẫu mà làm giảm sự sáng tạo trong học tập của HS.

“*Tổ chức cho HS quan sát mẫu hành vi*” cũng là khâu được đa số giáo viên sử dụng (điểm trung bình: 2.80). Khi quan sát mẫu hành vi HS sẽ bước đầu xác định được hành vi nào là hành vi đúng, nên thực hiện theo. Sau khi quan sát mẫu, GV nên đưa ra tình huống tương tự để HS có thể được thực hành ngay trên lớp, giúp khắc sâu kiến thức vừa được tiếp thu. Đây là khâu khá quan trọng và dễ đạt được hiệu quả cao trong giáo dục HVGTCVH nên được nhiều GV sử dụng.

Bên cạnh đó, khâu “*Đánh giá nhận thức, HVGTCVH của HS, khích lệ, động viên, uốn nắn, sửa chữa*” là khâu không kém phần quan trọng, được nhiều GV thường xuyên sử dụng (22 GV thường xuyên sử dụng, 8 GV đôi khi sử dụng). Sau khi HS thực hành, việc đánh giá, sửa chữa, uốn nắn là cần thiết để các em biết được hành vi của mình đã đúng hay chưa, nếu sai thì rút kinh nghiệm cho bản thân. Đồng thời, GV khích lệ, động viên HS cũng là nguồn động lực cho HS trong quá trình nhận thức và thực hành HVGTCVH. Do đó đây là khâu quan trọng và được nhiều GV sử dụng.

Ngoài ra, khâu “*Tạo tình huống trong các hoạt động, trong sinh hoạt để HS thể hiện theo hướng dẫn của GV, của bạn*” là khâu mang lại hiệu quả cao, phát huy tối đa khả năng của HS, tuy nhiên lại không được nhiều GV sử dụng (điểm trung bình: 2.57). Các tình huống được tạo ra giúp HS có cơ hội để thực hành, để được trực tiếp giải quyết các vấn đề ngoài thực tiễn dưới sự hướng dẫn của GV và bạn bè. Do để chuẩn bị được các tình huống thường xuyên trong các hoạt động giáo dục thì GV phải tốn không ít công sức, thời gian cũng như trí lực để tạo ra được những tình huống có ý nghĩa với HS, phù hợp và thời gian hợp lý để tất cả HS đều được thực hành. Vậy nên, khâu này được 17 GV sử dụng thường xuyên và 13 GV đôi khi sử dụng.

Cuối cùng là khâu “*Củng cố thường xuyên HVGTCVH trong các hoạt động học tập, giáo dục, hoạt động khác của HS*” xếp ở vị trí cuối cùng (điểm trung bình: 2.17). Trong các hoạt động học tập, giáo dục khác, thời gian cho việc củng cố thường xuyên HVGTCVH thường xuyên cũng rất cần thiết. Nhưng GV

chưa chú ý đến khâu này nhiều, có thể do cần phải tập trung khá nhiều vào các hoạt động chính của các hoạt động giáo dục khác của HS. Do vậy, khâu này có rất ít các GV sử dụng thường xuyên (5 GV sử dụng thường xuyên và 25 GV đôi khi sử dụng).

Chúng tôi tìm hiểu về tự đánh giá của HS về các hoạt động được tham gia trong các hoạt động giáo dục HVGTCVH, kết quả thu được cụ thể:

Bảng 2.10. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân về các hoạt động được tham gia trong khi được giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa

STT	Hoạt động	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nghe cô giáo giảng, giải thích	45	69.23
2	Được xem phim, video về xử lý bất hòa với bạn bè	38	58.46
3	Được cô giáo hướng dẫn cách xử lý khi có bất hòa với bạn bè	51	78.46
4	Được thực hành, luyện tập	25	38.46
5	Được tự nhận xét	22	33.85
6	Được nhận xét, đánh giá bạn	41	63.08
7	Được các bạn nhận xét, đánh giá	44	67.69
8	Được cô giáo nhận xét, đánh giá	45	69.23

Kết quả khảo sát cho thấy, HS được tham gia các hoạt động theo quy trình, đảm bảo các nguyên tắc trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống nói chung và phù hợp với nội dung chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*. Tuy nhiên, khi trao đổi với GV, chúng tôi nhận thấy do sĩ số lớp đông và thời gian hạn chế nên hoạt động thực hành, luyện tập và tự nhận xét còn được thực hiện bởi không nhiều HS, GV chỉ mời đại diện nhóm HS thực hiện, hoặc vài nhóm đóng vai giải quyết tình huống trước lớp. Sau giờ học trên lớp, GV yêu cầu HS về nhà tự ôn lại bài và áp dụng vào các tình huống thực tiễn giữa bạn bè.

Khảo sát HS về các hình thức giáo dục HVGTCVH của HS lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân ở chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* cho thấy các em được tham gia vào nhiều hình thức hoạt động phong phú như trao đổi, thảo luận, trò chơi, đóng kịch,...

Chúng tôi tìm hiểu tự đánh giá các kỹ năng của HS có được sau khi tham gia các hoạt động giáo dục, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.11. Tự đánh giá của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân về nhận thức và các hành vi giao tiếp có văn hóa có được sau khi được tham gia các hoạt động giáo dục

Các HVGTCVH		Số lượng	Tỷ lệ %
<i>Nhóm hành vi giao tiếp ứng xử, lịch sự lễ phép</i>	Chào hỏi	44	67.69
	Cảm ơn	41	63.08
	Xin lỗi	36	55.38
	Xin phép	33	50.77
	Cử chỉ thân mật, lễ phép với bạn bè	30	46.15
	Không nói tục, chửi bậy	32	49.23
<i>Nhóm hành vi tham gia hội thoại, cảm nhận và thể hiện cảm xúc</i>	Chấp nhận và lắng nghe người khác đang nói	36	55.38
	Không ngắt lời khi người khác đang nói	35	53.85
	Hướng mặt vào người đang nói chuyện với mình	31	47.69
	Nói vừa đủ nghe, không nói trống không	37	56.92
	Xưng hô thân mật với bạn	25	38.46
	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	19	29.23
	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	39	60.00
<i>Nhóm hành vi thể hiện sự cảm thông chia sẻ, quan hệ tích cực với bạn bè và những người xung quanh</i>	Quan tâm đến bạn bè, những người cần có sự giúp đỡ	51	78.46
	Cùng chơi với bạn, chia sẻ thông tin với bạn	51	78.46
	Thể hiện sự an ủi và chia vui với bạn bè	52	80.00
	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với bạn bè	49	75.38
	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn	57	87.69
<i>Nhóm hành vi hợp tác,</i>	Chấp nhận ý kiến của bạn	32	49.23
	Tôn trọng sở thích riêng của bạn, của người thân	35	53.85

<i>tôn trọng trong giao tiếp</i>	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	30	46.15
	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn	31	47.69
	Tuân thủ những quy định chung của tập thể	37	56.92
	Không ồn ào, làm mất trật tự nơi đông người	33	50.77
	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm	43	66.15
	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	53	81.54
	Nhận diện về biểu hiện xung đột với bạn bè	61	93.85
	Biết thỏa hiệp với bạn bè khi có xung đột hoặc mâu thuẫn	54	83.08
	Biết xin lỗi hoặc chấp nhận lời xin lỗi khi có biểu hiện bất hòa với bạn bè	51	78.46

Với kết quả tự đánh giá thu được cho thấy, có 93,85 % HS nhận diện được các biểu hiện xung đột với bạn bè; 83,08% HS biết thỏa hiệp với bạn bè khi có xung đột hoặc mâu thuẫn; 81,54 % HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác; 78,46% biết xin lỗi hoặc chấp nhận lời xin lỗi khi có biểu hiện bất hòa với bạn bè HS. Tuy nhiên các biểu hiện như Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn; Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động và Chấp nhận ý kiến của bạn tỷ lệ HS tự đánh giá có đạt là dưới 50%. Đây chính là những nguyên nhân dẫn đến xung đột hoặc lý do khó giải quyết xung đột. Vì vậy, giáo viên cần hỗ trợ giáo dục nhận thức và hành vi cho các em để đảm bảo mục tiêu giờ học/hoạt động, giúp các em hình thành HVGTCVH.

Bên cạnh đó, để làm rõ kết quả giáo dục HVGTCVH cho HS, chúng tôi tiến hành quan sát và đánh giá HS trong quá trình HS tham gia các hoạt động ở chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè*, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.12. Mức độ biểu hiện hành vi giao tiếp có văn hóa ở học sinh lớp 3 (qua quan sát)

TT	Biểu hiện	Mức độ			TBC
		1	2	3	
1	Nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè	31	25	9	2.34
2	Nhận biết được cách xử lý khi có bất hòa với bạn	30	24	11	2.29

3	Xử lý được bất hòa với bạn/thỏa hiệp	23	36	6	2.26
4	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học trong học tập, sinh hoạt	12	39	14	1.97
Trung bình					2.22

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1: Tốt/Cao/Thuần thực: 3 điểm;

Mức 2: Đạt/Trung bình/Biết thực hiện: 2 điểm;

Mức 3: Chưa đạt/Thấp/Biết thực hiện nhưng còn lúng túng: 1 điểm.

Kết quả thu được qua quan sát của nhóm nghiên cứu cho thấy các em nhận biết được các biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè, bước đầu biết cách xử lý khi có bất hòa (Điểm trung bình là 2.22). Tuy nhiên, một số HS vẫn còn lúng túng khi có bất hòa với bạn, không xử lý được các tình huống gây bất hòa với bạn bè, gặp khó khăn trong việc giữ bình tĩnh và hay rơi vào thế bị động. Đặc biệt là khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống nảy sinh hạn chế: thụ động, chờ đợi sự gợi ý của bạn, của cô.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân

Qua khảo sát thực trạng bằng phiếu khảo sát, trao đổi với giáo viên và HS, chúng tôi nhận thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả giáo dục HVGTCVH:

Bảng 2.13. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4		
1	Mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục	0	7	7	16	3.30	4
2	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên	0	4	5	21	3.57	3
3	Cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục	1	7	20	2	2.77	8
4	Số lượng HS trên lớp	0	11	17	2	2.70	9
5	Phương pháp giáo dục của giáo viên	0	0	5	25	3.83	1

6	Tính tích cực của HS	0	0	6	24	3.80	2
7	Thời gian dành cho hoạt động giáo dục	0	2	19	9	3.23	6
8	Nội quy trường, lớp	0	8	20	2	2.80	7
9	Sự phối hợp của phụ huynh HS	0	1	20	9	3.27	5

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Mức 1: Không ảnh hưởng : 1 điểm

Mức 2: Ảnh hưởng ít: 2 điểm;

Mức 3: Ảnh hưởng: 3 điểm;

Mức 4: Ảnh hưởng nhiều: 4 điểm

Kết quả thu được cho thấy phương pháp giáo dục của giáo viên ảnh hưởng nhiều đến kết quả giáo dục HVGTCVH cho HS (điểm trung bình là 3.83, xếp thứ nhất). Tiếp theo là tính tích cực của HS, bao gồm cả trình độ nhận thức, tính tích cực tham gia hoạt động học và thực hành của HS (điểm trung bình là 3.80, xếp thứ hai). Ngoài ra, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên cũng là yếu tố ảnh hưởng xếp thứ ba (điểm trung bình là 3.57). Yếu tố ít ảnh hưởng là sỹ số HS trong lớp. Ở các lớp chúng tôi khảo sát đều đảm bảo sỹ số theo quy định. Mặt khác việc tổ chức cho HS thực hành trong tình huống giả định được kết hợp giữa nhóm lớn, nhóm nhỏ, cá nhân nên rất linh hoạt, thuận lợi. Bên cạnh đó các yếu tố đến từ phía nhà trường, gia đình cũng ảnh hưởng đáng kể, như điều kiện cơ sở vật chất, chương trình, thời lượng cho mỗi hoạt động, năng lực của giáo viên, sự trao đổi, trò chuyện, củng cố hiểu biết, kiến thức cho HS tại gia đình. Các yếu tố ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả giáo dục HVGTCVH thuộc về yếu tố chủ quan GV và HS; các yếu tố khách quan như cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện,... có ảnh hưởng đến quá trình giáo dục, mức độ ảnh hưởng không nhiều.

Chúng tôi thực hiện khảo sát những khó khăn giáo viên gặp phải trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân kết quả cụ thể như sau:

**Bảng 2.14. Những khó khăn trong quá trình giáo dục hành vi giao tiếp
có văn hóa cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Yên Nhân**

TT	Mức độ Khó khăn	Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ	TBC
1	Chọn sách giáo khoa.	2	23	5	1.90
2	Thiếu kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực này.	0	23	7	1.77
3	Thiếu kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực này	0	30	0	2.00
4	Lúng túng trong việc sử dụng các phương pháp giáo dục	0	25	5	1.83
5	Thiếu học liệu, cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục, tài liệu trực quan: tranh ảnh, sách giáo khoa, video, phim minh họa,...	0	24	6	1.80
6	Số lượng HS trong lớp đông.	0	12	18	1.40
7	Sự bền vững, tập trung chú ý của HS hạn chế.	2	27	1	2.03
8	Thiếu thời gian để hoàn thành mục tiêu tiết học.	2	28	0	2.07
9	Thiếu thời gian để tổ chức cho HS thực hành, củng cố	2	28	0	2.07
10	Thiếu thời gian để tổ chức nhận xét, đánh giá	4	25	1	2.10
11	Phối hợp với phụ huynh	2	19	9	1.77

Ghi chú: Việc tính điểm các mức độ được thực hiện như sau:

Thường xuyên: 3 điểm

Đôi khi: 2 điểm

Không bao giờ: 1 điểm

Chúng tôi tiến hành khảo sát qua phiếu trưng cầu ý kiến, thấy được những khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá cho HS mà giáo viên thường gặp phải nhiều nhất là “*Thiếu thời gian để tổ chức nhận xét, đánh giá*” (điểm trung bình 2.10), “*Thiếu thời gian để hoàn thành mục tiêu bài học*” (điểm trung bình 2.07) và “*Thiếu thời gian để tổ chức cho HS thực hành, củng cố*” (điểm trung bình 2.07).

Qua việc phỏng vấn GV về các khó khăn thường gặp phải trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục HVGTCVH nhận thấy vấn đề HS thiếu sự chú ý, chưa tập trung là nguyên nhân gây ra những bất lợi nhất định cho hoạt động giáo dục. Việc HS thiếu tập trung, chú ý, chưa tự giác, chưa tích cực làm cho quá

trình tiếp thu kiến thức của HS không đạt hiệu quả. GV ít được bồi dưỡng chuyên sâu về mảng kiến thức này khiến việc thiếu kiến thức cũng gây khó khăn cho quá trình giáo dục. Ngoài ra, GV gặp khó khăn trong việc chọn sách giáo khoa và lúng túng trong việc sử dụng các phương pháp giáo dục cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục. Một số ít GV thiếu kiến thức, kỹ năng chuyên sâu hoặc sự phối hợp với phụ huynh HS chưa chặt chẽ.

2.5. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3 như sau:

- GV khai thác hệ thống học liệu và xây dựng tình huống giáo dục đa dạng, phong phú, xây dựng các nhiệm vụ học tập cho HS phù hợp mục tiêu, thực tiễn điều kiện nhà trường, HS tạo hứng thú và môi trường hoạt động phát huy tính tích cực của HS.
- GV tổ chức hoạt động đảm bảo quy trình các bước hình thành kỹ năng, các nguyên tắc trong tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng, đảm bảo tính trải nghiệm.
- Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, khích lệ, động viên trẻ, khai thác vốn kinh nghiệm của HS.
- GV cần phối hợp, huy động sự hỗ trợ từ phía phụ huynh tạo môi trường học tập, thực hành cho HS ở gia đình.
- Bản thân giáo viên luôn cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ để tổ chức hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung, giáo dục HVGTCVH nói riêng cho HS.

Kết luận chương 2

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, chúng tôi thấy rằng:

GV có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3. Việc giáo dục được thực hiện thông qua môn học và các hoạt động giáo dục

(Hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống,...) và thực hiện theo các khâu, đảm bảo các nguyên tắc trong giáo dục hành vi, kỹ năng. Hiệu quả quá trình giáo dục HVGTCVH phụ thuộc vào các yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó yếu tố chủ quan ảnh hưởng nhiều (phương pháp của giáo viên, năng lực của giáo viên); tính tích cực của HS, sự phối hợp của gia đình là những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục. Trong quá trình giáo dục, GV đã sử dụng các hình thức và biện pháp tạo hứng thú, trang bị kiến thức, hình thành kỹ năng cho HS. Giáo viên có gặp một số khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục HVGTCVH như ít thời gian dành cho HS thực hành, quá trình thực hành chủ yếu thông qua các tình huống giả định,... Kết quả giáo dục HVGTCVH qua chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* (môn Đạo Đức, lớp 3) được thể hiện trên mỗi HS nhưng chưa cao: Hầu hết các em nhận thức được những biểu hiện và cách xử lý bất hòa với bạn bè, thể hiện được cách ứng xử khi có bất hòa xảy ra, tuy nhiên nhiều em còn lúng túng hoặc vận dụng hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động thực tiễn còn hạn chế.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong nghiên cứu đề tài, chúng tôi sử dụng khái niệm: Giáo dục HVGTCVH cho HS tiểu học được hiểu là một quá trình dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, thông qua các hoạt động giáo dục, các môn học và sinh hoạt hàng ngày, giúp cho HS có hiểu biết (nhận thức) về các vấn đề liên quan đến HVGTCVH.

Việc giáo dục HVGTCVH nói riêng được thực hiện lồng ghép, tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học. Giáo dục HVGTCVH tác động đến nhận thức, tình cảm của HS, trở thành một nhu cầu, đồng thời cũng là điều kiện không thể thiếu trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của HS, giúp các em có thể tham gia vào các hoạt động khác nhau như: vui chơi, học tập, lao động... nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho bản thân.

Để thực hiện việc giáo dục HVGTCVH cho HS ở trường Tiểu học có hiệu quả cần phải thực hiện bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau phù hợp điều kiện thực tế, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, các yêu cầu, nguyên tắc và quy trình hình thành kỹ năng.

Qua nghiên cứu nghiên cứu lý luận và thực tiễn quá trình giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3, Trường Tiểu học Yên Nhân, chúng tôi thấy rằng:

GV có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3. Việc giáo dục được thực hiện thông qua môn học và các hoạt động giáo dục (Hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống,...) và thực hiện theo các khâu, đảm bảo các nguyên tắc trong giáo dục, rèn luyện để hình thành hành vi, kỹ năng. Hiệu quả quá trình giáo dục HVGTCVH phụ thuộc vào các yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó yếu tố chủ quan ảnh hưởng nhiều (phương pháp của giáo viên, năng lực của giáo viên); tính tích cực của HS, sự phối hợp của gia đình. Trong kế hoạch các bài dạy của chủ đề *Xử lý bất hòa với bạn bè* môn Đạo đức, GV đã xác định được những chi tiết, nội dung giáo dục và triển khai theo quy trình phù hợp mục tiêu, đối tượng và điều kiện thực tế. Trong quá trình giáo dục, GV đã sử dụng các hình thức và biện pháp tạo hứng thú, trang bị kiến thức,

hình thành kỹ năng cho HS. GV có gặp một số khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục HVGTCVH như ít thời gian dành cho HS thực hành, quá trình thực hành chủ yếu thông qua các tình huống giả định,... Kết quả giáo dục HVGTCVH qua chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè (môn Đạo Đức, lớp 3) được thể hiện trên mỗi HS nhưng chưa cao. Hầu hết các em nhận thức được những biểu hiện và cách xử lý bất hòa với bạn bè, thể hiện được cách ứng xử khi có bất hòa xảy ra, tuy nhiên nhiều em còn lúng túng hoặc vận dụng hiểu biết, kỹ năng trong hoạt động thực tiễn còn hạn chế. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục HVGTCVH cho HS lớp 3.

2. Kiến nghị

- GV tiểu học cần không ngừng tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật chương trình, khai thác tối ưu các điều kiện, cơ sở vật chất hiện có của nhà trường để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung, HVGTCVH nói riêng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- GV tiểu học và nhà trường Tiểu học cần quan tâm tổ chức các hoạt động cho GV cập nhật, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghiệp vụ, xây dựng môi trường thực hành, tạo hứng thú và phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS.

- GV cần xây dựng các nhiệm vụ học tập và tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ đó, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục HVGTCVH, trong đó, phối hợp với phụ huynh phát huy sự hỗ trợ tạo môi trường học tập, thực hành cho HS. Thực hiện tích hợp giáo dục HVGTCVH trong các môn học và hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục, chuyên đề giáo dục kỹ năng sống. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục; đánh giá sự tiến bộ của người học và vì sự tiến bộ của người học đảm bảo các quy định hiện hành; khích lệ, động viên, khai thác vốn kinh nghiệm, từ đó hình thành kiến thức kỹ năng mới ở người học.

- Cha mẹ HS cần phối hợp với nhà trường hỗ trợ các hoạt động học tập, rèn luyện, tạo môi trường thực hành, luyện tập cho HS tại gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh - Vũ Kim Thanh (2000). *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
2. Trần Thị Phương Anh (2022). *Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non*, Giáo chức Việt Nam số 177 (1/2022).
3. Hoàng Hòa Bình – Lê Minh Châu – Phan Thanh Hà – Nguyễn Thị Hạnh – Trần Thị Hiền Lương – Nguyễn Tuyết Nga – Trần Thị Tố Oanh – Phạm Thị Thu Phương – Ngô Quang Quế - Lưu Thu Thủy – Đào Vân Vi (2016). *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 3 (Tài liệu dành cho giáo viên)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*, trong công văn 463/BGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 01 năm 2015.
5. Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018.
6. Đoàn Thị Thúy Hạnh - Võ Thanh Hà (2022). *Giải pháp giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh tiểu học trong giai đoạn mới*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam tập 18 số 04 năm 2022.
7. Dương Diệu Hoa (2008). *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Sư phạm.
8. Ngô Công Hoàn – Hoàng Anh (1999). *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
9. Bùi Văn Huệ - Phan Thị Hạnh Mai – Nguyễn Xuân Thúc (2021). *Giáo trình Tâm lý học tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Hồ Sỹ Hùng (2014). *Thực trạng giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi*, Tạp chí Khoa học số 54, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2018). *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng giao tiếp)*, NXB Đại học Sư phạm.
12. Nguyễn Văn Lê (1998). *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Lê (2006). *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm.
14. TS. Phan Thanh Long (5/2011). “*Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh, sinh viên- yêu cầu quan trọng trong giáo dục văn hóa học đường*”, Tạp chí Giáo dục số 262.

15. *Luật Giáo dục 2019*. (Luật số: 43/2019/QH14).
16. Nguyễn Văn Lũy (2010). *Giáo trình giao tiếp với trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.
17. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Quốc Minh - Thạch Trung Tuấn - Đỗ Đình Thái (2024). *Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phát triển văn hóa giao tiếp cho học sinh ở các trường tiểu học công lập Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Giáo dục tập 24 (Số đặc biệt 7) tháng 6/2024.
19. Ngô Giang Nam (2013). *Thực trạng giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học nông thôn miền núi phía Bắc*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Thái Nguyên.
20. Bùi Thị Nền (2024). *Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hành vi giao tiếp văn hoá cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Hà Nội theo tiếp cận phối hợp*, Tạp chí Giáo dục số 24 (Số đặc biệt 9) tháng 8/2024.
21. Nguyễn Thị Nguyệt (chủ biên) – Vũ Thị Hồng – Lê Thị Thu Hương – Nguyễn Thị Thùy – Trần Thị Tân – Nguyễn Thị Thịnh – Hán Thị Hương Giang (2016). *Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học*, NXB Văn hóa dân tộc.
22. Mai Thị Nhàn (2020). *Một số biện pháp rèn kỹ năng giao tiếp cho học sinh lớp 4*, Sáng kiến kinh nghiệm, Trường Tiểu học Thanh Liệt.
23. Hoàng Phê (2004). *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
24. Hoàng Thị Phương (2002). *Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ 5 – 6 tuổi*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Học viện Khoa học Giáo dục.
25. TS. Huỳnh Văn Sơn (2011). *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Đặng Thị Lệ Tâm (2020). *Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam số 25 tháng 1/2020.
27. Trần Quốc Thành – Nguyễn Đức Sơn – Nguyễn Thị Huệ - Hoàng Anh Phước – Vũ Thị Ngọc Tú – Nguyễn Thị Hải Thiện (2021). *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm.
28. Trần Ngọc Thêm (1997). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.
29. TS. Nguyễn Thị Thịnh – TS. Nguyễn Đắc Tuấn (Đồng chủ biên), ThS. Phạm Thị Trúc – TS. Nguyễn Thị Hải Thanh (2022). *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, NXB Thế giới Hà Nội.

30. Hoàng Thị Thông (2004). *Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ mẫu giáo Trường mầm non Tân Vinh – Lương Sơn – Hòa Bình*, Bài tập nghiệp vụ cuối khóa, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
31. Lưu Thu Thủy (1995). *Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh các lớp 4,5 trường tiểu học*, Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục.
32. Nguyễn Ánh Tuyết (2006). *Giáo trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em*, NXB Giáo dục.
33. Nguyễn Quang Uẩn (1996). *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
34. Nguyễn Quang Uẩn (6-2007). *Quan niệm về hành vi giao tiếp có văn hóa của tuổi trẻ*, Tạp chí Tâm lý học số 6.
35. Nguyễn Như Ý (1999). *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa – Thông tin.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên tiểu học)

Để giúp nghiên cứu và tìm hiểu biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa (HVGTCVH) cho học sinh tiểu học, Thầy (Cô) vui lòng trả lời (hoặc đánh dấu (+)) vào những câu hỏi dưới đây:

1. Thầy (Cô) hãy cho biết mức độ cần thiết của việc giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở trường tiểu học?

☐ Rất cần thiết ☐ Cần thiết ☐ Không cần thiết

Lí do:

.....
.....

2. Việc giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở trường tiểu học có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển nhân cách của các em?

STT	Nội dung	Có	Không
1	Hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất thẩm mỹ		
2	Hình thành kỹ năng cơ bản để góp phần hình thành nhân cách		
3	Góp phần phát triển phẩm chất, năng lực người học		

Ý kiến khác:

.....
.....

3. Theo Thầy (Cô), có thể giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở trường tiểu học chủ yếu thông qua các môn học/hoạt động giáo dục nào?

STT	Môn học/Hoạt động	Mức độ		
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ
1	Tự nhiên và xã hội			
2	Tiếng Việt			
3	Đạo đức			
4	Toán			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Hoạt động trải nghiệm			
10	Giáo dục kỹ năng sống			
11	Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp			

Môn học/hoạt động khác:

4. Để giáo dục mỗi hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở trường tiểu học, Thầy (Cô) thường áp dụng các khâu (các bước) như thế nào?

STT	Các khâu giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa	Mức độ		
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ
1	Xây dựng kế hoạch giáo dục (KHBD)			
2	Giáo dục nhận thức, thái độ			
3	Tổ chức cho HS quan sát mẫu hành vi			
4	Tổ chức cho HS thực hiện theo mẫu			
5	Tạo tình huống trong các hoạt động, trong sinh hoạt để HS thể hiện theo hướng dẫn của GV, của bạn			
6	Củng cố thường xuyên HVGTCVH trong các hoạt động học tập, giáo dục, hoạt động khác của HS			
7	Đánh giá nhận thức, HVGTCVH của HS, Khuyến khích, động viên, uốn nắn, sửa chữa			
	Khâu khác:			

5. Thầy (Cô) hãy đánh giá mức độ đạt được về HVGTCVH của học sinh tiểu học ở lớp Thầy (Cô) đang công tác (ở các mặt nhận thức, thái độ, hành vi):

Các HVGTCVH		Mức độ		
		Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Cần cố gắng
<i>Nhóm hành vi giao tiếp ứng xử, lịch sự lễ phép</i>	Chào hỏi			
	Cảm ơn			
	Xin lỗi			
	Xin phép			
	Cử chỉ thân mật, lễ phép với người lớn			
	Không nói tục, chửi bậy			
<i>Nhóm hành vi tham gia hội thoại, cảm nhận và thể hiện cảm xúc</i>	Chấp nhận và lắng nghe người khác đang nói			
	Không ngắt lời khi người khác đang nói			
	Hướng mặt vào người đang nói chuyện với mình			
	Nói vừa đủ nghe, không nói trống không			
	Xưng hô thân mật với bạn			
	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân			
	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.			
<i>Nhóm hành vi thể hiện sự cảm thông chia sẻ, quan hệ tích cực với bạn bè và những người xung quanh</i>	Quan tâm đến người thân, bạn bè, những người cần có sự giúp đỡ			
	Cùng chơi với bạn, chia sẻ thông tin với bạn			
	Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè			
	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm với những người gần gũi			
	Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn			

<i>Nhóm hành vi hợp tác, tôn trọng trong giao tiếp</i>	Chấp nhận ý kiến của bạn			
	Tôn trọng sở thích riêng của bạn, của người thân			
	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động			
	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn			
	Tuân thủ những quy định chung của tập thể			
	Không ồn ào, làm mất trật tự nơi đông người			
	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm			
	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.			
Những HVGTCVH khác				

6. Để tạo động cơ, hứng thú đối với học sinh, trong quá trình trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học Thầy (Cô) thường dùng cách thức/biện pháp nào?

STT	Các cách thức/biện pháp	Mức độ		
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ
1	Tổ chức hoạt động khởi động tạo ấn tượng, cảm xúc vui vẻ			
2	Sử dụng học cụ trực quan: tranh ảnh, sách giáo khoa, video, phim minh họa, ...			
3	Sử dụng sân khấu hóa hoặc tổ chức cho HS sắm vai			
4	Sử dụng các trò chơi			
5	Khai thác kinh nghiệm đã có của học sinh			
6	Tạo các tình huống có vấn đề kích thích học sinh tìm các giải pháp hoặc thực hiện kỹ năng thực hành			
7	Phối hợp nhiều phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động linh hoạt			
8	Tổ chức cho học sinh tự nhận xét và nhận xét bạn trong các hoạt động			
9	Khích lệ, động viên học sinh			

Các thức/biện pháp khác:.....

7. Những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở trường tiểu học là gì?

STT	Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng			
		Không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng nhiều
1	Mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục				
2	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên				
3	Cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục				

4	Số lượng HS trên lớp				
5	Phương pháp giáo dục của giáo viên				
6	Tính tích cực của học sinh				
7	Thời gian dành cho hoạt động giáo dục				
8	Nội quy trường, lớp				
9	Sự phối hợp của phụ huynh học sinh				
10	Yếu tố khác:				

8. Trong quá trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3 ở trường tiểu học Thầy (Cô) thường gặp những khó khăn gì?

STT	Các khó khăn	Mức độ		
		Thường xuyên	Đôi khi	Chưa bao giờ
1	Chọn sách giáo khoa			
2	Thiếu kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực này.			
3	Thiếu kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực này. Lúng túng trong việc sử dụng các phương pháp giáo dục			
4	Thiếu học liệu, cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục, tài liệu trực quan: tranh ảnh, sách giáo khoa, video, phim minh họa,...			
5	Số lượng học sinh trong lớp đông.			
6	Sự bền vững, tập trung chú ý của học sinh hạn chế			
7	Thiếu thời gian để hoàn thành mục tiêu tiết học			
8	Thiếu thời gian để tổ chức cho học sinh thực hành, củng cố			
9	Thiếu thời gian để tổ chức nhận xét, đánh giá			
10	Phối hợp với phụ huynh			

Khó khăn khác:

9. Theo Thầy (cô), các điều kiện cần có để thực hiện giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh ở trường tiểu học là gì?

- ☐ Chương trình
- ☐ Sách giáo khoa, hệ thống học liệu
- ☐ Đội ngũ giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng
- ☐ Cơ sở vật chất phục vụ học tập
- ☐ Môi trường cho học sinh thực hành
- ☐ Sự phối hợp các lực lượng giáo dục
- ☐ Tính tích cực của học sinh

Điều kiện khác:.....

10. Các phương pháp/hình thức giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 3 Thầy/cô thường sử dụng (trong chủ đề Xử lý bất hòa trong quan hệ với bạn bè) là gì?

STT	Mức độ	Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ
	Phương pháp/Hình thức			
1	Phương pháp kể chuyện			
2	Phương pháp đàm thoại			
3	Phương pháp giảng giải			
4	Phương pháp thảo luận nhóm			
5	Phương pháp tổ chức làm việc cá nhân			
6	Phương pháp luyện tập theo mẫu hành vi			
7	Phương pháp tổ chức trò chơi			
8	Đóng vai/ Sắm vai			
9	Hoạt động câu lạc bộ			
10	Hội thi/cuộc thi			
11	Sinh hoạt tập thể (múa, hát)			

Phương pháp/hình thức khác:

11. Mức độ đạt được ở học sinh lớp 3 sau được giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa (trong chủ đề Xử lý bất hòa với bạn bè) biểu hiện như thế nào? (Câu hỏi chỉ dành cho GV đã và đang dạy lớp 3)

STT	Mức độ	Tốt/ Cao	Đạt/ Trung bình	Chưa đạt/ Thấp
	Hình thức			
1	Nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè			
2	Nhận biết được cách xử lý khi có bất hòa với bạn			
3	Xử lý được bất hòa với bạn/thỏa hiệp			
4	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kỹ năng đã học trong học tập, sinh hoạt			

12. Mức độ tích cực của HS trong học tập, rèn luyện giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa (Xử lý bất hòa với bạn bè) biểu hiện như thế nào?

STT	Biểu hiện	Mức độ		
		Tốt/ Cao	Đạt/ TB	Chưa đạt/ Thấp
1	Khả năng tập trung chú ý của học sinh trong hoạt động giáo dục			
2	Sẵn sàng giải quyết được các nhiệm vụ học tập			
3	Tích cực tham gia hoạt động			
4	Thực hiện các hành vi/hoạt động theo hướng dẫn			
5	Có khả năng hợp tác trong làm việc nhóm			
6	Có khả năng vận dụng hiểu biết, kỹ năng trong giải			

	quyết tình huống, nhiệm vụ theo yêu cầu của GV			
7	Có khả năng sáng tạo trong giải quyết các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên			

Biểu hiện khác:

13. Thầy (Cô) vui lòng cho biết những kinh nghiệm (biện pháp) để gây để nâng cao hiệu quả giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học.

.....

Xin Thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân (có thể ghi hoặc không):

Họ và tên:

Trình độ chuyên môn: ☐ Đại học; ☐ Cao đẳng; ☐ Trung cấp; ☐ Sơ cấp

Số năm công tác trong ngành tiểu học:

Thầy/cô đã và đang dạy lớp 3: ☐

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy (Cô)

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH (Dành cho học sinh lớp 3)

Em hãy trả lời phiếu bằng cách viết thêm vào chỗ chấm hoặc đánh dấu (X) vào ô trống.

Câu 1: Em được giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa (Xử lý bất hòa với bạn bè) trong các môn học và hoạt động giáo dục nào dưới đây?

- ☐ Tiếng Việt
- ☐ Đạo đức
- ☐ Hoạt động trải nghiệm
- ☐ Giáo dục kỹ năng sống
- ☐ Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Môn học/hoạt động khác:

.....

Câu 2: Em được tham gia các hoạt động nào để xử lý bất hòa với bạn bè?

- ☐ Nghe cô giáo giảng, giải thích
- ☐ Được xem phim, video về xử lý bất hòa với bạn bè
- ☐ Được cô giáo hướng dẫn cách xử lý khi có bất hòa với bạn bè
- ☐ Được thực hành, luyện tập
- ☐ Được tự nhận xét
- ☐ Được nhận xét, đánh giá bạn
- ☐ Được các bạn nhận xét, đánh giá
- ☐ Được cô giáo nhận xét, đánh giá

Câu 3: Em được học giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa (Xử lý bất hòa với bạn bè) thông qua hình thức nào?

STT	Hình thức	Lựa chọn của em
1	Tham quan	
2	Trò chơi	
3	Hoạt động câu lạc bộ	
4	Trao đổi/Thảo luận	
5	Sân khấu hóa (đóng kịch)	
6	Hội thi/cuộc thi	
7	Sinh hoạt tập thể (múa, hát)	

Câu 4: Em cảm thấy như thế nào khi được giáo dục *hành vi giao tiếp có văn hóa* (*Xử lý bất hòa với bạn bè*)?

TT	Thái độ	Lựa chọn của em
1	Rất vui, thích	
2	Bình thường	
3	Không thích	
4	Chán	

Câu 5: Sau khi được giáo dục *hành vi giao tiếp có văn hóa* (*xử lý bất hòa với bạn bè*) em học được những gì?

Các HVGTCVH		Lựa chọn của em
<i>Nhóm hành vi giao tiếp ứng xử, lịch sự lễ phép</i>	Biết chào hỏi	
	Biết cảm ơn	
	Biết xin lỗi	
	Biết xin phép	
	Cử chỉ thân mật, lễ phép với bạn bè	
	Không nói tục, chửi bậy	
<i>Nhóm hành vi tham gia hội thoại, cảm nhận và thể hiện cảm xúc</i>	Chấp nhận và lắng nghe người khác đang nói	
	Không ngắt lời khi người khác đang nói	
	Hướng mặt vào người đang nói chuyện với mình	
	Nói vừa đủ nghe, không nói trống không	
	Xung hô thân mật với bạn	
	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	
<i>Nhóm hành vi thể hiện sự cảm thông chia sẻ, quan hệ tích cực với bạn bè và những người xung quanh</i>	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	
	Quan tâm đến bạn bè, những người cần có sự giúp đỡ	
	Cùng chơi với bạn, chia sẻ thông tin với bạn	
	Thể hiện sự an ủi và chia vui với bạn bè	
	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với bạn bè	
<i>Nhóm hành vi hợp tác, tôn trọng trong giao tiếp</i>	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn	
	Chấp nhận ý kiến của bạn	
	Tôn trọng sở thích riêng của bạn, của người thân	
	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	
	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn	
	Tuân thủ những quy định chung của tập thể	
	Không ồn ào, làm mất trật tự nơi đông người	
	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm	
	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	
	Nhận diện về biểu hiện xung đột với bạn bè	

	Biết thỏa hiệp với bạn bè khi có xung đột hoặc mâu thuẫn	
	Biết xin lỗi hoặc chấp nhận lời xin lỗi khi có biểu hiện bất hòa với bạn bè	
Những HVGTCVH khác		

Câu 7: Em có nguyện vọng gì muốn nói với cô giáo khi được giáo dục *hành vi giao tiếp có văn hóa (Xử lý bất hòa với bạn bè)*?

.....

Họ và tên học sinh: Giới tính:.....

Lớp

Cô chân thành cảm ơn em!

PHỤ LỤC 3

PHIẾU QUAN SÁT HÀNH VI GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA Ở HỌC SINH

Họ và tên học sinh:.....Giới tính:..... Lớp:

Người quan sát/đánh giá.....

Trường

Nội dung quan sát:

TT	Kĩ năng	Mức độ đạt được		
		1	2	3
1	Nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè			
2	Nhận biết được cách xử lí khi có bất hòa với bạn			
3	Xử lí được bất hòa với bạn/thỏa hiệp			
4	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kĩ năng đã học trong học tập, sinh hoạt			

Ghi chú: Đánh giá theo 3 mức độ

- Mức độ 1: Thực hiện thành thạo, hiệu quả
- Mức độ 2: Biết thực hiện
- Mức độ 3: Biết/Biết thực hiện nhưng còn lúng túng, khó khăn khi thực hiện

PHIẾU QUAN SÁT HÀNH VI GIAO TIẾP CÓ VĂN HÓA Ở HỌC SINH

Họ và tên học sinh:.....Giới tính:..... Lớp:

Người quan sát/đánh giá.....

Trường

Nội dung quan sát:

TT	Kĩ năng	Mức độ đạt được		
		1	2	3
1	Nhận diện được biểu hiện bất hòa trong quan hệ với bạn bè			
2	Nhận biết được cách xử lí khi có bất hòa với bạn			
3	Xử lí được bất hòa với bạn/thỏa hiệp			
4	Có khả năng vận dụng hiểu biết và kĩ năng đã học trong học tập, sinh hoạt			

Ghi chú: Đánh giá theo 3 mức độ

- Mức độ 1: Thực hiện thành thạo, hiệu quả
- Mức độ 2: Biết thực hiện
- Mức độ 3: Biết/Biết thực hiện nhưng còn lúng túng, khó khăn khi thực hiện

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TUẦN 27

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ 7: XỬ LÝ BẤT HÒA VỚI BẠN BÈ

Bài 08: Xử lý bất hòa với bạn bè (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:

- Nêu được một số biểu hiện bất hòa với bạn bè.
- Biết vì sao bất hòa với bạn bè.
- Rèn năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Hình thành phẩm chất nhân ái.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức quan tâm đến bạn bè
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu “Em và bạn đã từng bất hòa chưa” theo gợi ý:	- HS lắng nghe.

? Bất hòa về chuyện gì? ? Em đã xử lý bất hòa đó như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.	+ HS trả lời theo ý hiểu của mình - HS lắng nghe.
2. Khám phá: (12 phút) Hoạt động 1: Tìm hiểu một số biểu hiện của việc bất hòa với bạn bè - Mục tiêu: + Học sinh nêu được một số biểu hiện bất hòa với bạn bè - Cách tiến hành: - GV chiếu tranh lên bảng, yêu cầu HS quan sát - GV tổ chức thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi: ?Nêu những việc làm thể hiện sự bất hòa với bạn bè trong những bức tranh sau?	

- GV mời đại diện HS lên chia sẻ - GV nhận xét, tuyên dương - GV đặt tiếp câu hỏi ? Em còn biết những việc làm nào khác thể hiện sự bất hòa với bạn bè? - GV yêu cầu HS trả lời - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận. => Kết luận: Bạn bè cần phải hòa hợp với nhau, các em cũng cần phân biệt việc tốt việc xấu, không nên làm những việc xấu để bất hòa với bạn bè	+ Tranh 2: Bạn Nữ yêu cầu bạn không được chơi với Hoa nếu chơi sẽ không chơi cùng. Bạn nữ không đồng ý và vẫn muốn chơi với Hoa. + Tranh 3: Bạn nữ bảo bạn nam nói dối nhưng bạn nam khẳng định mình không nói dối. Hai bạn đánh bắt hòa với nhau + Tranh 4: Bạn nữ ghét bạn Nga vì hay nói xấu bạn. Việc làm đó thể hiện việc sự bất hòa, mất đi mối quan hệ tốt bạn bè. + Tranh 5: Bạn không cho bạn nói sự thật là mình làm gãy thước của bạn Huệ. Việc làm đó thể hiện tính nói dối. - HS lên chia sẻ trước lớp - Nhóm nhận xét - HS lắng nghe - HS nêu câu trả lời theo ý kiến của mình VD: Bạn không trực nhật lớp nhưng không cho bạn nói với cô giáo chủ nhiệm. - 2-3 HS nêu ý kiến chia sẻ
Hoạt động 2: (10 phút) Tìm hiểu lợi ích của việc xử lý bất hòa với bạn bè (Hoạt động nhóm) - Mục tiêu:	

+ Học sinh hiểu được ý nghĩa của việc xử lý bất hòa với bạn bè qua hai tình huống - Cách tiến hành:	
a. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi - GV đọc các tình huống trong SGK - Gọi 2-3 HS đọc lại tình huống - Yêu cầu HS đọc câu hỏi thảo luận sgk - Hướng dẫn HS thảo luận ? Các bạn đã làm gì để xử lý bất hòa? - GV nhận xét, tuyên dương - GV tiếp tục đưa câu hỏi ? Nếu không xử lý bất hòa thì điều gì sẽ xảy ra? - GV nhận xét, tuyên dương => Kết luận: Khi chúng ta Bất hòa với bạn cần bình tĩnh, bày tỏ quan điểm với bạn để giải quyết được mâu thuẫn với bạn bè.	- HS lắng nghe câu chuyện - HS thảo luận nhóm 4 - 1 HS đọc lại câu hỏi - HS thảo luận theo nhóm 2 (3') + Biết kìm chế tức giận, giữ bình tĩnh nói chuyện với Hùng và bày tỏ ý kiến của mình: + Kết tình bạn chơi với nhau. - HS nhận xét - 2-3 HS chia sẻ câu hỏi này. + Mất đi tình bạn đẹp - HS nhận xét và tuyên dương
3. Vận dụng.(10 phút) - Mục tiêu: + củng cố kiến thức về biểu hiện bất hòa với bạn bè + Vận dụng vào thực tiễn để thực hiện tốt hành vi, việc làm để thể hiện tình cảm yêu thương mọi người - Cách tiến hành:	
- GV vận dụng vào thực tiễn cho HS cùng thể hiện tốt các hành vi, việc làm	- HS lắng nghe.

của mình. ? Bài học hôm nay, con học điều gì? + Chia sẻ một số việc em đã làm để thể hiện sự bất hòa với bạn bè và cách giải quyết sự bất hòa đó - GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét tiết học - Dặn dò: Về nhà hãy vận dụng tốt bài học vào cuộc sống và chuẩn bị cho tiết 2	Bài học hôm nay cho chúng ta biết cần cần bình tĩnh, bày tỏ quan điểm với bạn để giải quyết được mâu thuẫn . VD: Cần phải trung thực và thật thà trong lớp không được nói dối thầy cô, bạn bè. - HS nhận xét câu trả lời của bạn - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
4. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC: 	

TUẦN 28

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ 7: XỬ LÝ BẤT HÒA VỚI BẠN BÈ

Bài 08: Xử lý bất hòa với bạn bè (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:

- Biết vì sao cần xử lý bất hòa với bạn bè.
- Nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hòa với bạn bè
- Rèn năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Hình thành phẩm chất nhân ái.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức quan tâm đến bạn bè.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) - Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “chuyền hoa” - Cho HS nghe và chuyền hoa theo bài hát <i>Chú Voi con</i>. - Nêu 1 việc làm xử lý bất hòa với bạn	- HS hát theo bài hát và cùng chuyền bông hoa đi. Bài hát kết thúc HS cầm hoa sẽ nêu 1 việc xử lý bất hòa với bạn

bè - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.	bè . - HS lắng nghe.
2. Khám phá: (25 phút) Hoạt động 3: Tìm hiểu cách xử lý bất hòa với bạn bè (15') - Mục tiêu: + Học sinh hiểu được ý nghĩa cách xử lý bất hòa với bạn bè - Cách tiến hành: - GV gọi HS đọc yêu cầu 1 trong SGK - GV chiếu cho HS quan sát tranh.  Quan sát tranh và nêu cách xử lý bất hòa với bạn bè: 1. Bình tĩnh khi có bất hòa với bạn. 2. Tìm hiểu nguyên nhân gây bất hòa. 3. Nói chuyện với bạn, lắng nghe không cắt lời, không chen ngang. 4. Nếu mình có lỗi, cần thành thật xin lỗi. 5. Bắt tay và vui vẻ làm hòa. - GV hỏi nội dung từng bức tranh + Bức tranh thứ nhất vẽ gì? + Bức tranh thứ hai vẽ gì? + Bức tranh thứ ba vẽ gì? + Bức tranh thứ bốn vẽ gì? - Kể chuyện theo tranh và trả lời câu hỏi. - HS quan sát tranh. + Tranh 1:Thật bình tĩnh khi bất hòa với bạn!” + Tranh 2: Tìm hiểu nguyên nhân bất hòa. + Tranh 3:Nói chuyện với bạn lắng nghe không cắt lời, không chen ngang. + Tranh 4: Nếu có lỗi thành thật xin lỗi bạn. +Tranh 5: bắt tay vui vẻ làm hòa với	

- GV tổ chức cho HS kể trong nhóm 4 và thảo luận trả lời hai câu hỏi trong SHS - GV chiếu tranh lên bảng chiếu - GV mời đại diện nhóm lên kể - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương. - GV đặt câu hỏi ? Các bạn đã làm gì để xử lý bất hòa với bạn bè? ? Việc làm đó có ý nghĩa gì? ? Theo em, vì sao phải xử lý bất hòa với bạn bè? - GV nhận xét, tuyên dương => Kết luận: Mỗi người chúng ta không thể sống tách biệt với cộng đồng, vì thế chúng ta cần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè là truyền thống từ bao đời nay của dân tộc ta, góp phần xây dựng nếp sống văn minh. * Em còn có cách xử lý nào khác khi bất hòa với bạn bè?	bạn: - HS kể trong nhóm 4 và trả lời câu hỏi trong thời gian 5 phút - Đại diện một số nhóm chỉ tranh kể trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS trả lời câu hỏi + Các bạn đã lắng nghe bạn nói thẳng thắn nhận khuyết điểm sai. + Việc làm đó đã giúp bạn bè hiểu nhau hơn + Vì như thế mới xây dựng được tình bạn bền vững hơn. - HS lắng nghe. - HS trả lời
Hoạt động 4: Giúp bạn bè xử lý tình huống bất hòa (10 phút) - Mục tiêu: + Học sinh hiểu được ý nghĩa giúp bạn bè xử lý bất hòa - Cách tiến hành:	

- GV yêu cầu HS đọc TH trong sgk.

Là bạn thân nhưng do hiểu lầm nên Liên và Hoà cãi vã, to tiếng với nhau. Thấy vậy, Tuấn đã lắng nghe và giúp các bạn nhận rõ đúng, sai. Cuối cùng, hai bạn hiểu ra và nói lời xin lỗi với nhau.



- GV giao nhiệm vụ cho HS

- Khi hai bạn bất hòa Tuấn đã làm gì?

- GV gọi HS lên chia sẻ trước lớp

- GV đưa nhận xét, kết luận

=> Kết luận: Để giúp bạn xử lý bất hòa, chúng ta nên ngồi lại cùng các bạn, lắng nghe ý kiến của từng người, chỉ ra những điểm đúng ở hai bạn và xóa bỏ những hiểu lầm. Sau đó, em có thể đề xuất một giải pháp mà cả hai bạn đều cảm thấy ổn và nhất trí thực hiện. Bước cuối cùng là đề nghị các bạn bắt tay làm lành với nhau.

- HS đọc tình huống theo tổ

- HS trả lời câu hỏi

+ Tuấn đã lắng nghe và giải quyết những cái đúng cái sai để hai bạn hiểu ra và biết cách xin lỗi nhau để giảng hòa.

- HS chia sẻ trước lớp

- HS nhận xét bài của bạn

3. Vận dụng. (5 phút)

- Mục tiêu:

+ Quan tâm phải xử lý bất hòa với bạn bè bằng những lời nói, việc làm phù hợp.

+ Vận dụng vào thực tiễn để thực hiện tốt hành vi, việc làm để thể hiện xử lý bất hòa với bạn bè

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS chia sẻ về những việc em đã làm để thể hiện phải xử lý bất hòa với bạn bè

+ HS chia sẻ trước lớp.

? Qua tiết học hôm nay em học được điều gì? - GV nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét tiết học - Dặn dò: về nhà chuẩn bị cho tiết 3 của bài	- Quan tâm xử lý bất hòa với bạn bè bằng những lời nói và việc làm phù hợp với bản thân mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
4. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC: 	

TUẦN 29

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ 7: XỬ LÝ BẤT HÒA VỚI BẠN BÈ

Bài 08: Xử lý bất hòa với bạn bè (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:

- Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lý bất hòa với bạn bè.
- Sẵn sàng giúp bạn bè xử lý bất hòa với nhau.
- Rèn năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Hình thành phẩm chất nhân ái.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức quan tâm đến bạn bè
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3- 5’)	
- Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu “Em đã giúp bạn xử lý các bất hòa bao giờ chưa” theo gợi ý: ? Tìm nguyên nhân gây bất hòa về chuyện gì?	- HS lắng nghe. + HS trả lời theo ý hiểu của mình

? Em đã xử lý bất hòa đó như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe.
2. Luyện tập: (25 phút) - Mục tiêu: + Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống. - Cách tiến hành:	
Bài tập 1: Nhận xét các ý kiến dưới đây (10') - GV chiếu tranh lên bảng, yêu cầu HS quan sát  - GV cho HS làm việc cá nhân và chia sẻ trước lớp: - GV gọi HS chia sẻ trước lớp - GV mời đại diện HS lên chia sẻ - GV nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận. => Kết luận: Chúng ta thấy rằng việc xử lý tốt những bất hòa giúp cho chúng ta rất nhiều lợi ích, sự đoàn kết, sự yêu quý của bạn bè,....	- HS quan sát tranh - HS làm việc cá nhân và chia sẻ trước lớp: + Ý kiến : 1, 2, 3, 4, 5 là ý kiến đúng; còn ý kiến: 6 là không đúng. - HS lên chia sẻ trước lớp - Nhóm nhận xét - HS lắng nghe
Bài tập 2: Em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì	

sao?

- GV gọi HS đọc yêu cầu 2 trong SGK
- ? Bài yêu cầu gì?
- GV trình chiếu tranh BT2.
- YC HS quan sát 3 bức tranh và đọc nội dung. Thảo luận nhóm đôi, nêu việc nên làm hoặc không nên làm, giải thích Vì sao.



- Tổ chức cho HS chia sẻ từng tranh.

- GV chốt câu trả lời.
- Nhận xét, tuyên dương.

=> Kết luận: Chúng ta không nên giận hờn, hay nói xấu nhau,... Mà chúng ta cần bảo vệ, đoàn kết lẫn nhau.

- 1 -2 HS đọc yêu cầu bài 2
- Lớp đọc thầm theo
- HS quan sát tranh và thảo luận theo cặp.

- Các cặp chia sẻ.
- Lắng nghe nhận xét, bổ sung.
- + Ý kiến 1, 3, 4, 5: không đồng tình vì chúng ta không nên giận nhau, không nên bảo vệ ý kiến riêng của mình, cũng không nên nói xấu bạn bè, điều đó sẽ mất đi đoàn kết, tình cảm gắn bó với bạn bè.
- + Ý kiến 2: đồng tình vì Quỳnh đã tìm ra được cách để giải thích cho bạn hiểu.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng.(10 phút)

- Mục tiêu:

+ củng cố kiến thức về biểu hiện bất hòa với bạn bè

+ Vận dụng vào thực tiễn để thực hiện tốt hành vi, việc làm để thể hiện tình tình cảm yêu thương mọi người

- Cách tiến hành:

- GV vận dụng vào thực tiễn cho HS cùng thể hiện tốt các hành vi, việc làm của mình.

? Bài học hôm nay, con học điều gì?

+ Để tránh được những điều bất hòa giữa các bạn chúng ta phải làm gì?

- GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV nhận xét tiết học

- Dặn dò: Về nhà hãy vận dụng tốt bài học vào cuộc sống và chuẩn bị cho tiết 4

- HS lắng nghe.

Bài học hôm nay cho chúng ta biết cần cần bình tĩnh, bày tỏ quan điểm với bạn để giải quyết được mâu thuẫn .

- HS nêu theo ý hiểu của mình.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

4. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:

.....

.....

.....

TUẦN 30

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ 7: XỬ LÝ BẤT HÒA VỚI BẠN BÈ

Bài 08: Xử lý bất hòa với bạn bè (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:

- Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lý bất hòa với bạn bè.
- Sẵn sàng giúp bạn bè xử lý bất hòa với nhau.
- Rèn năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.
- Hình thành phẩm chất nhân ái.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức quan tâm đến bạn bè
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút)	
- Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Hái hoa dân chủ” - Cho HS chơi trò chơi - Nêu 1 việc làm xử lý bất hòa với bạn bè - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS chơi trò chơi - HS lắng nghe.

- GV dẫn dắt vào bài mới.	
2. Luyện tập: (25 phút) - Mục tiêu: + Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống. - Cách tiến hành:	
Bài tập 3: Xử lý tình huống(15’) - GV gọi HS đọc yêu cầu 3 trong SGK ? Bài yêu cầu gì? - GV chiếu tranh. - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đồng thời gọi HS đọc lần lượt 2 tình huống của bài. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 đưa ra cách xử lý tình huống và phân công đóng vai trong nhóm. 1 Bố mẹ cho Hải đi dự sinh nhật Huy nhưng dẫn bạn về sớm. Đến giờ, Hải đứng lên chào các bạn nhưng Huy nói: “Nếu bạn về bây giờ thì tớ không chơi với bạn nữa”. Nếu là Hải, em sẽ làm gì? 2 Em chơi thân với Hương và Giang. Hôm trước, Hương nói Giang kiêu căng nên hai bạn không chơi với nhau nữa. Em sẽ giúp các bạn hoà giải như thế nào?	- 1 -2 HS đọc yêu cầu bài 3 - Lớp đọc thầm theo - HS quan sát tranh. - 2 em đọc tình huống. - HS thảo luận nhóm 4 và phân công đóng vai (5’) + TH 1: Hải đi sinh nhật nhưng bố mẹ dẫn về sớm, em đã làm theo, nhưng bạn Huy nói: “Nếu bạn về bây giờ thì tớ không chơi với bạn nữa”. Nếu em là Hải thì em sẽ phân tích cho bạn hiểu vấn đề, vì bố mẹ chỉ cho đi đến tầm ấy rồi về, nếu mình giữ đúng lời hứa thì lần sau sẽ dễ dàng xin phép bố mẹ cho đi,.... + TH 2: 3 bạn chơi thân với nhau. Hương đã nói Giang kiêu căng nên không chơi với nhau nữa. Nếu là em thì em sẽ giải thích và giảng hòa cho hai bạn, tìm các khúc mắc giữa hai

- GV yêu cầu các nhóm lên đóng vai theo tình huống.
 - GV nhận xét, tuyên dương, khen ngợi các nhóm có cách xử lý và đóng vai hay.
- => Kết luận: Chúng ta khi xử lý các tình huống bất hòa giữa các bạn, cần tìm nguyên nhân và cách xử lý thật khéo léo để giữ tình cảm đoàn kết,....

Bài tập 4: Em sẽ khuyên các bạn điều gì?

- GV yêu cầu HS đọc tình huống



- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm
 - Gv yêu cầu HS phân vai đóng và xử lý tình huống
- ? Ở tình huống thứ nhất em sẽ làm gì?

? Tình huống thứ 2?

bạn để hai bạn cùng hòa đồng chơi thân với nhau như trước.

- Đại diện một số nhóm lên đóng vai trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.

- HS đọc tình huống của bài

- HS làm việc theo nhóm
- HS thảo luận nhóm và đóng vai để xử lý tình huống.
- + Em sẽ lắng nghe và giải thích cho các bạn trong lớp không lên cãi nhau mà lên ngồi cùng nhau lại để giải quyết những khúc mắc trong lòng.
- + Em sẽ giúp Mai hiểu rõ rằng đây là điều mà Phương không phải cố ý,

- GV yêu cầu HS lên chia sẻ - Gv gọi đại diện nhóm lên đóng vai lại tình huống. - GV nhận xét, khen ngợi, tuyên dương => Kết luận: Chúng ta lên cùng nhau giải quyết những bất hòa trong lớp học, để giữ tinh thần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau trong lớp.	cùng là bạn bè trong lớp lên bỏ qua cho nhau để giữ tình cảm đoàn kết. - HS lên chia sẻ bài của mình - HS nhóm khác nhận xét. - HS lên đóng vai tình huống - HS nhóm nhận xét, tuyên dương
3. Vận dụng. (10 phút) - Mục tiêu: + Quan tâm phải xử lý bất hòa với bạn bè bằng những lời nói, việc làm phù hợp. + Vận dụng vào thực tiễn để thực hiện tốt hành vi, việc làm để thể hiện xử lý bất hòa với bạn bè - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chia sẻ về những việc em đã làm để thể hiện phải xử lý bất hòa với bạn bè. ? Hãy tư vấn cho các bạn hàng xóm, cũng như trong lớp cách xử lý bất hòa nếu các bạn có? ? Qua tiết học hôm nay em học được điều gì? *Thông điệp: - Gọi HS đọc thông điệp trong SGK cho cả lớp nghe. Lắng nghe, tôn trọng, nhường nhau Bạn bè hòa thuận, nhịp cầu yêu thương.	+ HS chia sẻ trước lớp. - Quan tâm xử lý bất hòa với bạn bè bằng những lời nói và việc làm phù hợp với bản thân mình. - 1 HS đọc to thông điệp, cả lớp nhắm mắt theo. - Một vài HS đọc thuộc lòng.(khuyến khích).

- Khuyến khích HS đọc thuộc tại lớp. - Nhắc HS ghi nhớ và vận dụng thông điệp vào cuộc sống. - GV nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét tiết học - Dặn dò: về nhà chuẩn bị cho bài sau.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
4. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:	